

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1

(Đợt thi 19,20 tháng 4 năm 2025)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2025)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA254001	20810230018	Đặng Hoàng	An	28/3/2002	11,0	17,0	30,00	21,0	79,0	
2	TA254002	21810620489	Thân Văn	An	26/08/2003	13,0	15,0	30,00	23,0	81,0	
3	TA254003	18810810013	Bùi Phương	Anh	26/12/2000	11,0	17,0	28,50	22,0	78,5	
4	TA254004	18810510093	Cao Thế	Anh	27/01/2000	20,0	17,0	30,00	22,0	89,0	
5	TA254005	1781810186	Đỗ Thị Tuyết	Anh	23/2/1999	10,0	18,0	25,00	22,0	75,0	
6	TA254006	20810000210	Hà Việt	Anh	28/08/2002	11,0	16,0	25,50	22,0	74,5	
7	TA254007	20810720016	Nguyễn Đức	Anh	25/8/2002	13,0	14,0	29,00	21,0	77,0	
8	TA254008	19810230015	Nguyễn Lan	Anh	23/11/2001	12,0	16,0	28,50	17,0	73,5	
9	TA254009	20810620093	Nguyễn Tiến	Anh	04/06/2001	9,0	15,0	29,00	23,0	76,0	
10	TA254010	21810550383	Nguyễn Tuấn	Anh	21/04/2003	16,0	16,0	24,00	22,0	78,0	
11	TA254011	21810430380	Nguyễn Việt	Anh	06/10/2003	19,0	17,0	30,00	23,0	89,0	
12	TA254012	1781720006	Trần Phương	Anh	26/12/1999	13,0	20,0	29,00	23,0	85,0	
13	TA254013	21810620461	Vũ Trí Đức	Anh	07/06/2003	18,0	16,0	28,50	23,0	85,5	
14	TA254014	21810430458	Đỗ	Bằng	09/05/2003	18,0	17,0	29,00	23,0	87,0	
15	TA254015	21810410176	Ninh Hải	Bình	17/04/2003	17,0	15,0	30,00	23,0	85,0	
16	TA254016	18810310059	Nguyễn Đình	Công	26/08/2000	12,0	17,0	19,00	22,0	70,0	
17	TA254017	18810310035	Phạm Thành	Công	13/02/2000	9,0	16,0	25,00	21,0	71,0	
18	TA254018	20810000198	Vì Tuấn	Công	15/04/2002	15,0	15,0	16,50	11,0	57,5	
19	TA254019	19810310217	Nguyễn Mạnh	Cường	07/07/2001	20,0	17,0	18,00	17,0	72,0	
20	TA254020	21810610051	Trịnh Văn	Cường	10/12/2003	9,0	16,0	30,00	22,0	77,0	
21	TA254021	18810220027	Bùi Minh	Chiến	16/07/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
22	TA254022	19810620056	Nguyễn Văn	Chính	06/08/2001	17,0	12,0	30,00	21,0	80,0	
23	TA254023	21810210005	Lê Tiến	Dũng	01/10/2003	8,0	17,0	28,50	22,0	75,5	
24	TA254024	20810510109	Trịnh Tiến	Dũng	09/12/2002	21,0	16,0	17,00	21,0	75,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
25	TA254025	18819120041	Vũ Văn	Dũng	14/09/2000	19,0	15,0	24,00	10,0	68,0	
26	TA254026	19810310230	Dương Xuân	Duy	15/04/2001	10,0	16,0	28,50	22,0	76,5	
27	TA254027	20819120021	Đỗ Phú	Duy	22/10/2002	19,0	0,0	25,00	20,0	64,0	
28	TA254028	18810420069	Trần Thanh	Duy	04/10/2000	19,0	18,0	27,50	20,0	84,5	
29	TA254029	18810810065	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	20/09/2000	18,0	17,0	27,50	21,0	83,5	
30	TA254030	21810110155	Hồ Như	Đạt	16/06/2003	12,0	16,0	29,00	23,0	80,0	
31	TA254031	18810850034	Nguyễn Thúy	Định	30/09/2000	14,0	18,0	26,50	21,0	79,5	
32	TA254032	21810610386	Lê Huy	Đức	12/07/2003	12,0	17,0	30,00	23,0	82,0	
33	TA254033	20810000259	Mạc Đình	Đức	07/06/2002	15,0	15,0	25,00	23,0	78,0	
34	TA254034	19819120003	Ngô Minh	Đức	08/06/2001	9,0	17,0	28,50	23,0	77,5	
35	TA254035	21810270019	Nguyễn Xuân	Đức	15/05/2003	9,0	17,0	30,00	23,0	79,0	
36	TA254036	21810310184	Trần Trung	Đức	20/10/2003	19,0	17,0	26,50	22,0	84,5	
37	TA254037	21810680370	Vũ Anh	Đức	11/05/2003	14,0	17,0	22,50	23,0	76,5	
38	TA254038	18810840027	Nguyễn Hương	Giang	14/08/2000	19,0	17,0	28,50	22,0	86,5	
39	TA254039	21810810023	Nguyễn Xuân Linh	Giang	03/12/2003	18,0	17,0	30,00	18,0	83,0	
40	TA254040	18810720182	Nguyễn Thu	Hà	06/01/2000	18,0	18,0	26,50	18,0	80,5	
41	TA254041	20810340142	Bùi Thanh	Hải	21/07/2002	12,0	15,0	18,00	12,0	57,0	
42	TA254042	18810310281	Cao Xuân	Hải	19/01/2000	19,0	18,0	29,00	19,0	85,0	
43	TA254043	18810310354	Ngô Quang	Hải	29/09/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
44	TA254044	19810170133	Vũ Đức	Hải	25/09/2001	15,0	16,0	25,50	20,0	76,5	
45	TA254045	20810160543	Lê Quốc	Hào	27/01/2002	10,0	16,0	28,50	22,0	76,5	
46	TA254046	21810620448	Nguyễn Như	Hân	18/11/2003	14,0	16,0	27,50	23,0	80,5	
47	TA254047	21810610003	Trần Minh	Hiền	13/05/2003	14,0	16,0	28,50	23,0	81,5	
48	TA254048	1781420016	Vũ Hồng	Hiện	06/02/1999	15,0	16,0	22,50	23,0	76,5	
49	TA254049	20810660268	Phạm Tuấn	Hiệp	27/06/2002	15,0	17,0	25,50	23,0	80,5	
50	TA254050	18810000007	Trần Văn	Hiệp	14/11/2000	8,0	15,0	28,50	23,0	74,5	
51	TA254051	20810110242	Hồ Sỹ	Hiếu	24/02/2002	20,0	14,0	18,00	22,0	74,0	
52	TA254052	21810620551	Nguyễn Thọ	Hiếu	28/11/2003	15,0	17,0	29,00	23,0	84,0	
53	TA254053	21810620432	Đỗ Việt	Hòa	20/06/2003	14,0	16,0	30,00	23,0	83,0	
54	TA254054	20810000062	Nguyễn Văn	Hòa	08/01/2002	14,0	17,0	29,00	23,0	83,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
55	TA254055	18810820060	Phùng Thị Thu	Hoài	12/01/2000	11,0	17,0	27,50	22,0	77,5	
56	TA254056	21810620408	Đinh Việt	Hoàng	29/11/2003	14,0	17,0	27,50	23,0	81,5	
57	TA254057	21810610090	Lê Anh	Hoàng	15/10/2003	14,0	19,0	30,00	23,0	86,0	
58	TA254058	20810430383	Ninh Viết	Hoàng	18/07/2002	16,0	14,0	27,50	23,0	80,5	
59	TA254059	18810840070	Phạm Trọng	Hoàng	09/08/2000	21,0	17,0	29,00	23,0	90,0	
60	TA254060	21810620433	Phan Dương	Hoàng	11/10/2003	16,0	16,0	30,00	23,0	85,0	
61	TA254061	20810000140	Đặng Vân	Hồng	15/12/2002	16,0	18,0	30,00	23,0	87,0	
62	TA254062	20810230130	Đàm Đức	Hùng	23/08/2002	16,0	16,0	26,50	14,0	72,5	
63	TA254063	19810230049	Mai Mạnh	Hùng	07/08/2001	15,0	17,0	23,00	23,0	78,0	
64	TA254064	21810210008	Đặng Quang	Huy	10/12/2003	8,0	17,0	28,50	23,0	76,5	
65	TA254065	20819120001	Đoàn Minh	Huy	14/01/2002	19,0	14,0	28,50	21,0	82,5	
66	TA254066	20810620141	Trần Văn	Huy	02/04/2002	11,0	14,0	27,50	23,0	75,5	
67	TA254067	21810820197	Hà Thị Thanh	Huyền	07/12/2003	14,0	15,0	29,00	23,0	81,0	
68	TA254068	18810110245	Lương Trung	Hưng	29/07/2000	0,0	20,0	0,00	0,0	20,0	
69	TA254069	21810620426	Nguyễn Thành	Hưng	03/08/2003	9,0	18,0	29,00	23,0	79,0	
70	TA254070	19810550168	Nguyễn Văn	Hưng	09/05/2001	15,0	15,0	25,00	23,0	78,0	
71	TA254071	20810410070	Phạm Văn	Hưng	14/12/2002	15,0	16,0	29,00	23,0	83,0	
72	TA254072	18810310449	Vũ Thị Lan	Hương	03/03/2000	15,0	17,0	25,50	23,0	80,5	
73	TA254073	20810110213	Nguyễn Thúy	Hường	21/08/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
74	TA254074	18810810091	Đỗ Trung	Kiên	01/08/2000	17,0	18,0	29,00	22,0	86,0	
75	TA254075	18810650007	Tổng Trung	Kiên	15/01/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
76	TA254076	20810000441	Hồ Đàm	Khánh	27/7/2002	8,0	18,0	28,50	22,0	76,5	
77	TA254077	20810510076	Ngô Duy	Khánh	06/12/2002	18,0	15,0	28,50	13,0	74,5	
78	TA254078	1781510224	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/1999	16,0	18,0	30,00	20,0	84,0	
79	TA254079	20810000295	Lê Văn	Linh	11/01/2001	7,0	14,0	29,00	23,0	73,0	
80	TA254080	18810810027	Phạm Mỹ	Linh	28/05/2000	17,0	16,0	25,00	24,0	82,0	
81	TA254081	20810810157	Lã Thành	Long	10/01/2002	6,0	19,0	27,50	23,0	75,5	
82	TA254082	20810000274	Nguyễn Khắc	Long	08/11/2001	21,0	16,0	29,00	23,0	89,0	
83	TA254083	2183010014	Nguyễn Minh	Long	14/12/1976	17,0	17,0	28,50	22,0	84,5	
84	TA254084	19810340617	Vy Khánh	Long	25/10/2001	17,0	16,0	26,50	15,0	74,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
85	TA254085	20810000024	Đinh Xuân	Lộc	31/01/2002	17,0	19,0	25,00	23,0	84,0	
86	TA254086	20810410074	Nguyễn Văn	Lợi	03/01/2002	10,0	17,0	29,00	23,0	79,0	
87	TA254087	20810000144	Nguyễn Thảo	Ly	06/10/2002	12,0	18,0	28,50	23,0	81,5	
88	TA254088	18810310513	Lê Đức	Mạnh	10/07/2000	14,0	18,0	19,50	23,0	74,5	
89	TA254089	21810620486	Chu Nhật	Minh	06/02/2003	17,0	16,0	23,00	23,0	79,0	
90	TA254090	20810410031	Nguyễn Văn	Minh	20/5/2002	13,0	18,0	26,50	23,0	80,5	
91	TA254091	21819110141	Đào Thị	Mùi	12/01/2003	25,0	14,0	25,50	23,0	87,5	
92	TA254092	21810620049	Mai Giang	Nam	02/12/2003	24,0	18,0	21,50	23,0	86,5	
93	TA254093	1781410356	Nguyễn Đồng	Nam	28/10/1999	11,0	18,0	26,50	18,0	73,5	
94	TA254094	21810410127	Nguyễn Sỹ	Nam	14/02/2003	25,0	15,0	26,50	20,0	86,5	
95	TA254095	20810720049	Nguyễn Thành	Nam	22/9/2002	24,0	16,0	26,50	23,0	89,5	
96	TA254096	1781610065	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
97	TA254097	21810410175	Vũ Phương	Nam	09/07/2003	25,0	15,5	23,00	20,0	83,5	
98	TA254098	20810000051	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	01/09/2002	21,0	16,0	20,50	23,0	80,5	
99	TA254099	18810620122	Ngô Kim	Ngọc	01/08/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
100	TA254100	20810420012	Nguyễn Tuấn	Ngọc	07/10/2001	16,0	15,0	25,50	5,0	61,5	
101	TA254101	21810310080	Đỗ Phương	Nguyên	11/08/2003	24,0	19,0	26,50	23,0	92,5	
102	TA254102	21810620066	Nguyễn Bảo	Nguyên	25/08/2002	25,0	17,0	12,00	19,0	73,0	
103	TA254103	21810810277	Trần Thị	Nguyệt	02/12/2003	25,0	16,0	25,50	23,0	89,5	
104	TA254104	21810430459	Nguyễn Thế	Phong	21/08/2003	24,0	15,0	23,00	23,0	85,0	
105	TA254105	20810160524	Nguyễn Đình	Phú	20/01/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
106	TA254106	21810710102	Đặng Hoài	Phương	08/11/2003	24,0	19,0	26,50	23,0	92,5	
107	TA254107	19810000588	Trần Thanh	Phương	26/06/2001	19,0	20,0	28,50	22,0	89,5	
108	TA254108	18810620112	Nguyễn Vinh	Quang	26/05/2000	23,0	17,0	28,50	23,0	91,5	
109	TA254109	20810540048	Đoàn Văn	Quân	02/11/2002	25,0	17,0	26,50	20,0	88,5	
110	TA254110	20810820109	Hồ Cảnh Quốc	Quân	29/01/2002	24,0	16,0	29,00	21,0	90,0	
111	TA254111	21810410094	Ngô Hồng	Quân	13/10/2003	25,0	13,0	24,00	20,0	82,0	
112	TA254112	21810410077	Trần Hữu	Quý	10/11/2003	25,0	14,0	29,00	20,0	88,0	
113	TA254113	20810430135	Nguyễn Đình	Quyền	05/12/2002	23,0	12,0	26,50	17,0	78,5	
114	TA254114	20810620040	Bùi Văn	Quyết	20/06/2002	25,0	18,0	28,50	20,0	91,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
115	TA254115	21810820179	Đỗ Thúy	Quỳnh	22/02/2003	24,0	16,0	25,50	22,0	87,5	
116	TA254116	20810720062	Hoàng Hồng	Sơn	20/4/2000	21,0	14,0	29,00	18,0	82,0	
117	TA254117	20810430392	Hoàng Phúc	Sơn	09/08/2002	25,0	14,0	27,50	20,0	86,5	
118	TA254118	1781330043	Trần Văn	Sỹ	05/04/1999	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
119	TA254119	1781410039	Thân Minh	Tài	21/1/1999	22,0	10,0	25,50	20,0	77,5	
120	TA254120	21810620450	Trần Đức	Tâm	08/10/2003	25,0	17,0	28,50	20,0	90,5	
121	TA254121	19810510088	Bùi Thọ	Tiến	27/12/2001	25,0	16,0	18,00	8,0	67,0	
122	TA254122	21810410467	Nguyễn Anh	Tiến	31/03/2003	25,0	16,0	19,50	16,0	76,5	
123	TA254123	21810680369	Nguyễn Xuân	Tiến	13/12/2003	25,0	17,0	23,00	8,0	73,0	
124	TA254124	18810310606	Đậu Quốc	Toàn	08/02/2000	24,0	17,0	30,00	21,0	92,0	
125	TA254125	21819110039	Nguyễn Ngọc	Toàn	04/12/2003	20,0	16,0	28,50	20,0	84,5	
126	TA254126	20810430265	Hoàng Huy	Tới	18/03/2002	23,0	14,0	25,00	19,0	81,0	
127	TA254127	2183010027	Trần Anh	Tú	14/11/1997	24,0	18,0	25,00	21,0	88,0	
128	TA254128	20810230154	Hoàng Quốc	Tuấn	21/08/2002	24,0	19,0	28,50	21,0	92,5	
129	TA254129	21810000024	Phạm Minh	Tuấn	19/06/2003	24,0	16,0	27,50	21,0	88,5	
130	TA254130	18810430102	Phạm Xuân	Tuấn	30/06/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
131	TA254131	20810230028	Nguyễn Hoàng	Tùng	08/7/2002	19,0	17,0	21,50	20,0	77,5	
132	TA254132	1781810086	Lê Thị Ánh	Tuyết	4/10/1999	19,0	16,0	22,50	20,0	77,5	
133	TA254133	20810430155	Nguyễn Đình	Thái	22/8/2002	20,0	16,0	29,00	20,0	85,0	
134	TA254134	20810000012	Phạm Tư	Thành	30/9/2002	10,0	12,0	28,50	20,0	70,5	
135	TA254135	22810860086	Bùi Thị	Thảo	20/01/2004	16,0	16,0	23,00	18,0	73,0	
136	TA254136	18810310420	Đặng Đình	Thì	15/11/2000	21,0	20,0	25,50	8,0	74,5	
137	TA254137	18810310305	Trần Quang	Thọ	06/01/2000	20,0	17,0	21,50	17,0	75,5	
138	TA254138	19810310368	Nguyễn Mạnh	Thời	04/06/2001	15,0	17,0	25,50	18,0	75,5	
139	TA254139	19810310368	Nguyễn Mạnh	Thời	04/06/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
140	TA254140	21810110157	Lê Đình	Thụ	01/10/2003	11,0	14,0	30,00	21,0	76,0	
141	TA254141	20810000096	Tạ Vương	Triều	19/11/2002	12,0	14,0	26,50	21,0	73,5	
142	TA254142	21810110431	Nguyễn Công	Trường	10/12/2003	11,0	11,0	30,00	20,0	72,0	
143	TA254143	21810610078	Trần Xuân	Trường	28/08/2003	21,0	9,0	22,50	19,0	71,5	
144	TA254144	21810410152	Đỗ Quốc	Việt	19/10/2003	18,0	14,0	23,00	19,0	74,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
145	TA254145	20810810102	Nguyễn Văn	Việt	01/01/2002	12,0	10,0	27,50	20,0	69,5	
146	TA254146	20810410075	Nguyễn Văn	Vinh	22/3/2002	9,0	8,0	29,00	20,0	66,0	
147	TA254147	20810000321	Trần Quang	Vinh	25/05/2002	14,0	10,0	20,50	14,0	58,5	
148	TA254148	21810620050	Lưu Đỗ Xuân	Vũ	30/03/2003	21,0	12,0	29,00	12,0	74,0	
149	TA254149	19810310085	Mai Việt	Vương	07/07/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
150	TA254150	19810340191	Trần Thị Hải	Yến	02/10/2001	23,0	9,0	24,00	16,0	72,0	
151	TA254151	20810170336	Nguyễn Thế	Ái	18/01/2002	13,0	9,0	21,50	19,0	62,5	
152	TA254152	21810340538	Đỗ Hoàng	Anh	31/10/2003	14,0	7,0	10,50	17,0	48,5	
153	TA254153	21810850408	Lê Gia Phương	Anh	09/11/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
154	TA254154	21810710196	Lương Thị Hải	Anh	01/09/2003	10,0	12,0	6,00	19,0	47,0	
155	TA254155	20810540019	Nguyễn Đức	Anh	20/6/2002	12,0	18,0	18,00	19,0	67,0	
156	TA254156	21810860421	Nguyễn Phương	Anh	23/05/2003	12,0	14,0	22,50	19,0	67,5	
157	TA254157	20810410037	Nguyễn Thạc Việt	Anh	04/7/2002	12,0	16,0	25,00	16,0	69,0	
158	TA254158	20810340255	Phạm Tuấn	Anh	29/06/2002	15,0	10,0	27,50	16,0	68,5	
159	TA254159	22810110337	Phạm Việt	Anh	03/12/2003	12,0	8,0	21,50	19,0	60,5	
160	TA254160	21810110261	Vũ Đức	Anh	07/10/2003	13,0	19,0	22,50	19,0	73,5	
161	TA254161	21810840201	Lê Gia	Bách	17/11/2003	15,0	14,0	22,50	19,0	70,5	
162	TA254162	21810430444	Nguyễn Xuân	Bách	19/03/2003	15,0	16,0	26,50	19,0	76,5	
163	TA254163	20810000412	Hoàng Hiếu	Bình	25/08/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
164	TA254164	21810810295	Kim Ngọc	Công	22/12/2003	12,0	15,0	11,00	14,0	52,0	
165	TA254165	21810620396	Lương Mạnh	Cường	26/02/2003	15,0	9,0	28,50	18,0	70,5	
166	TA254166	21810410396	Trần Hữu	Cường	21/09/2003	8,0	14,0	20,50	8,0	50,5	
167	TA254167	21810840209	Đàm Thị	Châm	13/01/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
168	TA254168	20810230052	Nguyễn Hải	Chiều	31/07/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
169	TA254169	21810430372	Nguyễn Công	Chính	19/10/2003	15,0	7,0	28,50	19,0	69,5	
170	TA254170	21810110142	Trần Ngọc	Diệp	25/08/2003	9,0	14,0	20,50	15,0	58,5	
171	TA254171	20810000188	Nguyễn Thùy	Dung	12/06/2002	13,0	17,0	19,50	21,0	70,5	
172	TA254172	20810430194	Lê Tuấn	Dũng	08/11/2002	16,0	8,0	15,50	20,0	59,5	
173	TA254173	21810430462	Nguyễn Việt	Dũng	13/01/2003	8,0	15,0	16,50	22,0	61,5	
174	TA254174	21810620466	Nguyễn Tiến	Duy	04/06/2003	12,0	14,0	13,50	19,0	58,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
175	TA254175	21810860246	Bùi Đức	Dương	30/12/2003	12,0	7,0	13,00	8,0	40,0	
176	TA254176	21810710197	Lê Hải	Dương	12/06/2003	13,0	11,0	26,50	19,0	69,5	
177	TA254177	20810160551	Vì Tuấn	Dương	06/06/2002	19,0	18,0	27,50	16,0	80,5	
178	TA254178	21810180351	Dương Chu	Đạt	23/11/2003	21,0	16,0	30,00	21,0	88,0	
179	TA254179	ThS đầu vào	Nguyễn Tiến	Đạt	20/10/1988	13,0	0,0	0,00	0,0	13,0	
180	TA254180	21810710331	Trần Quang	Đạt	21/08/2003	17,0	17,0	27,50	22,0	83,5	
181	TA254181	20810170361	Lê Văn	Điền	11/08/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
182	TA254182	19810170273	Bùi Quang	Đức	04/11/2001	14,0	10,0	28,50	19,0	71,5	
183	TA254183	19810000416	Hoàng Trung	Đức	13/11/2001	14,0	0,0	0,00	5,0	19,0	
184	TA254184	20810430287	Nguyễn Minh	Đức	05/04/2002	10,0	14,0	17,00	8,0	49,0	
185	TA254185	20810170415	Quế Nguyễn Thiên	Đức	20/04/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
186	TA254186	2272010261	Trịnh Huỳnh	Đức	11/06/2000	5,0	17,0	22,50	3,0	47,5	
187	TA254187	2162010028	Nguyễn Văn	Giang	24/10/1991	21,0	15,0	27,50	19,0	82,5	
188	TA254188	19810810063	Trịnh Thu	Hà	24/02/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
189	TA254189	21810110292	Nguyễn Ngọc	Hải	13/09/2003	17,0	19,0	24,00	21,0	81,0	
190	TA254190	21810820125	Nguyễn Yến	Hạnh	03/11/2003	12,0	11,0	30,00	3,0	56,0	
191	TA254191	21810860393	Ngô Thị Minh	Hằng	25/08/2003	14,0	11,0	24,00	18,0	67,0	
192	TA254192	21810860258	Hà Thị	Hiền	22/09/2003	15,0	13,0	29,00	18,0	75,0	
193	TA254193	21810430425	Đỗ Tuấn	Hiệp	20/12/2003	8,0	0,0	0,00	0,0	8,0	
194	TA254194	21810110011	Đinh Trung	Hiếu	25/10/2003	14,0	10,0	29,00	14,0	67,0	
195	TA254195	19810710252	Lê Trung	Hiếu	30/10/2001	13,0	12,0	30,00	20,0	75,0	
196	TA254196	20810170356	Nguyễn Minh	Hiếu	05/05/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
197	TA254197	21810000410	Trịnh Hoàng	Hiệu	29/06/2003	14,0	10,0	30,00	21,0	75,0	
198	TA254198	21810710419	Bùi Đức	Hoàn	10/07/2003	12,0	17,0	28,50	15,0	72,5	
199	TA254199	21810820166	Bùi Minh	Hoàng	13/01/2003	12,0	10,0	25,00	8,0	55,0	
200	TA254200	21810110564	Đặng Vũ	Hoàng	30/05/2003	23,0	16,0	28,50	17,0	84,5	
201	TA254201	20810160457	Nguyễn Thế Việt	Hoàng	11/03/2002	9,0	8,0	26,50	12,0	55,5	
202	TA254202	21819120144	Vũ Văn	Hoàng	26/05/2003	12,0	6,0	25,50	17,0	60,5	
203	TA254203	19810170149	Nguyễn Huy	Hùng	29/6/2001	13,0	11,0	24,00	17,0	65,0	
204	TA254204	ThS đầu vào	Thế Duy	Hùng	13/5/1982	8,0	8,0	0,00	15,0	31,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
205	TA254205	20810620001	Trần Phi	Hùng	27/7/2002	22,0	11,0	30,00	16,0	79,0	
206	TA254206	20810710248	Nguyễn Văn	Huy	09/11/2002	25,0	8,0	29,00	8,0	70,0	
207	TA254207	20810320139	Võ Quang	Huy	19/06/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
208	TA254208	20810830226	Phạm Khánh	Huyền	01/10/2002	12,0	13,0	27,50	10,0	62,5	
209	TA254209	21810810249	Phan Thu	Huyền	23/05/2003	20,0	13,0	29,00	21,0	83,0	
210	TA254210	20810430132	Phạm Thành	Hưng	20/9/2002	20,0	11,0	10,50	1,0	42,5	
211	TA254211	21810710026	Đỗ Văn	Kiên	20/01/2003	17,0	13,0	30,00	19,0	79,0	
212	TA254212	21810620046	Nguyễn Tuấn	Kiệt	17/12/2003	14,0	13,0	24,00	18,0	69,0	
213	TA254213	21810710287	Lê Văn	Khải	07/02/2003	8,0	11,0	29,00	19,0	67,0	
214	TA254214	21810810335	Nguyễn Đăng	Khánh	26/08/2003	20,0	13,0	30,00	18,0	81,0	
215	TA254215	20810000119	Nguyễn Quốc	Khánh	24/09/2002	19,0	10,0	14,50	14,0	57,5	
216	TA254216	21810820261	Nguyễn Ngọc	Lan	27/02/2003	17,0	14,0	30,00	18,0	79,0	
217	TA254217	21810820163	Nguyễn Thị	Lan	30/04/2003	17,0	9,0	25,00	16,0	67,0	
218	TA254218	19810320159	Bùi Thị Diệu	Linh	09/11/2001	18,0	8,0	22,50	19,0	67,5	
219	TA254219	21810820325	Đào Thùy	Linh	12/12/2003	18,0	12,0	13,00	17,0	60,0	
220	TA254220	21810620010	Lê Ngọc	Linh	03/10/2003	17,0	10,0	25,50	19,0	71,5	
221	TA254221	23810820109	Mai Thị	Linh	19/07/2005	14,0	11,0	27,50	19,0	71,5	
222	TA254222	21810710330	Nguyễn Thị	Linh	02/06/2003	8,0	10,0	19,00	17,0	54,0	
223	TA254223	21810710009	Nguyễn Xuân Phương	Linh	09/09/2003	12,0	14,0	25,00	17,0	68,0	
224	TA254224	21810820139	Vũ Thị Bích	Loan	11/05/2003	7,0	10,0	16,50	16,0	49,5	
225	TA254225	21810110025	Vũ Hải	Long	18/04/2003	16,0	19,0	23,00	16,0	74,0	
226	TA254226	21810680372	Phan Văn	Lộc	30/08/2003	14,0	10,0	29,00	18,0	71,0	
227	TA254227	21810710289	Hoàng Khánh	Ly	18/11/2003	14,0	9,0	26,50	17,0	66,5	
228	TA254228	21810710392	Bùi Thị Xuân	Mai	22/03/2003	15,0	11,0	30,00	19,0	75,0	
229	TA254229	21810310138	Lê Văn	Mạnh	20/01/2000	15,0	10,0	25,50	19,0	69,5	
230	TA254230	20810170324	Nguyễn Đức	Mạnh	30/08/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
231	TA254231	21810860381	Đinh Thị Lan	Mây	27/04/2003	16,0	16,0	30,00	18,0	80,0	
232	TA254232	20810310488	Đỗ Tuấn	Minh	13/11/2002	14,0	11,0	20,50	20,0	65,5	
233	TA254233	20810310292	Nguyễn Đăng	Minh	09/12/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
234	TA254234	21810160231	Trịnh Duy	Minh	24/07/2003	12,0	10,0	19,00	19,0	60,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
235	TA254235	21810860413	Tô Hải	My	27/12/2003	11,0	16,0	26,50	17,0	70,5	
236	TA254236	21810540514	Bùi Văn	Nam	29/04/2003	21,0	15,0	30,00	19,0	85,0	
237	TA254237	21810410155	Lê Thành	Nam	01/08/2003	22,0	13,0	29,00	20,0	84,0	
238	TA254238	21810610035	Nguyễn Hoài	Nam	21/09/2003	18,0	14,0	30,00	20,0	82,0	
239	TA254239	21810620462	Phùng Đức	Nam	30/07/2003	17,0	8,0	27,50	20,0	72,5	
240	TA254240	21810850378	Lâm Thị	Nương	26/02/2003	19,0	11,0	29,00	19,0	78,0	
241	TA254241	20810000378	Đặng Thị Kim	Ngân	23/10/2001	20,0	14,0	24,00	20,0	78,0	
242	TA254242	20810430266	Phan Hữu	Nghị	18/11/2002	19,0	15,0	30,00	19,0	83,0	
243	TA254243	21810710401	Công Phương	Ngọc	14/05/2003	20,0	18,0	27,50	18,0	83,5	
244	TA254244	21810820309	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/07/2003	19,0	15,0	28,50	19,0	81,5	
245	TA254245	21819110025	Vũ Đình	Nguyên	05/12/2003	21,0	4,0	20,50	19,0	64,5	
246	TA254246	21810110061	Đặng Minh	Nhật	15/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
247	TA254247	21810820127	Đặng Hồng	Nhung	02/11/2003	21,0	19,0	29,00	20,0	89,0	
248	TA254248	19810420245	Đặng Duy	Phong	20/08/2001	21,0	9,0	27,50	19,0	76,5	
249	TA254249	20810620110	Nguyễn Duy	Phong	10/08/2002	21,0	10,0	30,00	19,0	80,0	
250	TA254250	23810180168	Hà Minh	Phú	29/06/2005	15,0	5,0	0,00	19,0	39,0	
251	TA254251	21810170234	Lê Đình	Phúc	29/06/2002	14,0	9,0	19,50	19,0	61,5	
252	TA254252	21810710359	Dương Thị Thu	Phương	22/04/2003	17,0	11,0	24,00	19,0	71,0	
253	TA254253	21810840291	Lê Thị Nguyên	Phương	27/05/2003	17,0	14,0	22,50	20,0	73,5	
254	TA254254	22819150013	Nguyễn Thành	Phương	22/11/2004	25,0	16,0	27,50	20,0	88,5	
255	TA254255	21810810315	Trần Ánh	Phương	11/10/2003	16,0	16,0	18,00	20,0	70,0	
256	TA254256	20810000293	Đoàn	Quang	12/07/2002	9,0	11,0	12,00	19,0	51,0	
257	TA254257	20810110210	Nguyễn Bùi Công	Quang	15/01/2002	18,0	13,0	26,50	20,0	77,5	
258	TA254258	20819110015	Trần Xuân	Quang	19/9/2002	17,0	17,0	19,50	20,0	73,5	
259	TA254259	20810000393	Nguyễn Bá	Quân	25/02/1999	10,0	16,0	19,50	20,0	65,5	
260	TA254260	2272010277	Nguyễn Đăng	Quý	01/05/1998	20,0	14,0	11,00	20,0	65,0	
261	TA254261	20810430351	Nguyễn Đức	Quý	22/06/2002	11,0	11,0	18,00	19,0	59,0	
262	TA254262	21810180333	Vũ Văn	Quý	12/08/2003	17,0	8,0	19,00	20,0	64,0	
263	TA254263	19810410243	Trần Mạnh	Quyết	24/05/2001	18,0	16,0	26,50	20,0	80,5	
264	TA254264	21810860406	Trương Thị	Quỳnh	15/11/2003	13,0	4,0	7,50	20,0	44,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
265	TA254265	21810180221	Nguyễn Văn	Sĩ	19/07/2003	15,0	15,0	13,00	19,0	62,0	
266	TA254266	19810420314	Đỗ Hồng	Sơn	16/06/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
267	TA254267	20810620029	Lê Văn	Tài	06/12/2002	20,0	8,0	12,00	19,0	59,0	
268	TA254268	21810230435	Vũ Đình	Tài	16/10/2003	20,0	17,0	19,00	19,0	75,0	
269	TA254269	21810410095	Giang Nhật	Tân	13/07/2003	17,0	10,0	19,00	16,0	62,0	
270	TA254270	21819110012	Cao Xuân	Tiến	21/08/2003	21,0	10,0	8,50	19,0	58,5	
271	TA254271	20810620103	Nguyễn Mạnh	Tiến	06/01/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
272	TA254272	21810310442	Nguyễn Hồng	Tình	27/11/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
273	TA254273	21810430450	Trần Văn	Toàn	25/12/2003	10,0	9,0	9,50	5,0	33,5	
274	TA254274	21819120127	Nguyễn Anh	Tú	22/07/2003	10,0	13,0	9,50	8,0	40,5	
275	TA254275	20810420100	Tô Anh	Tú	22/02/2002	21,0	12,0	9,50	7,0	49,5	
276	TA254276	21810410403	Lê Anh	Tuấn	01/02/2003	16,0	10,0	23,00	14,0	63,0	
277	TA254277	20810430227	Nguyễn Văn	Tuấn	05/10/2002	16,0	10,0	16,50	15,0	57,5	
278	TA254278	20810620076	Trần Mạnh	Tuấn	18/08/2002	17,0	10,0	24,00	19,0	70,0	
279	TA254279	21810820143	Nguyễn Bá Sơn	Tùng	31/08/2003	16,0	14,0	17,00	23,0	70,0	
280	TA254280	21810430446	Trần Mạnh	Tùng	31/08/2003	18,0	17,0	25,50	20,0	80,5	
281	TA254281	23810510109	Bùi Văn	Thái	13/01/2005	17,0	15,0	16,50	20,0	68,5	
282	TA254282	21810710427	Phạm Văn Tài	Thanh	13/03/2003	15,0	19,0	19,50	20,0	73,5	
283	TA254283	19810310343	Khương Tiến	Thảo	19/08/2001	19,0	13,0	25,50	19,0	76,5	
284	TA254284	21810820172	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/12/2003	19,0	19,0	25,00	18,0	81,0	
285	TA254285	20810620078	Nguyễn Đức	Thắng	01/01/2002	16,0	12,0	18,00	18,0	64,0	
286	TA254286	20810320134	Võ Bình	Thắng	18/09/2002	19,0	14,0	19,50	9,0	61,5	
287	TA254287	20810340152	Nguyễn Tiến	Thọ	24/08/2002	15,0	11,0	25,00	16,0	67,0	
288	TA254288	21810860256	Lê Thị Thu	Thủy	09/04/2003	17,0	18,0	24,00	20,0	79,0	
289	TA254289	21810860395	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/12/2003	17,0	17,0	25,00	20,0	79,0	
290	TA254290	21810710337	Đỗ Thị Thu	Trang	12/09/2003	17,0	16,0	13,50	20,0	66,5	
291	TA254291	21810820200	Phạm Quỳnh	Trang	26/08/2003	13,0	15,0	24,00	18,0	70,0	
292	TA254292	21810710122	Trần Thị	Trang	30/08/2003	16,0	14,0	25,00	20,0	75,0	
293	TA254293	18810820076	Lê Thị Quỳnh	Trâm	05/10/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
294	TA254294	20810310288	Nguyễn Đức	Triệu	29/10/2002	14,0	14,0	25,50	20,0	73,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
295	TA254295	21810710145	Lê Văn	Trung	13/02/2002	15,0	19,0	15,50	18,0	67,5	
296	TA254296	19810310625	Vũ Nhật	Trung	07/09/2001	15,0	18,0	26,50	18,0	77,5	
297	TA254297	19810410284	Trần Văn	Ước	18/02/2001	19,0	14,0	15,50	16,0	64,5	
298	TA254298	21810710107	Trần Thị Hải	Vân	12/11/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
299	TA254299	21810410004	Vũ Quang	Vinh	11/10/2003	14,0	19,0	21,50	14,0	68,5	
300	TA254300	18810340556	Phạm Ngọc	Vũ	21/02/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
301	TA254301	21810110005	Nguyễn Văn	Vương	28/09/2003	11,0	18,0	20,50	18,0	67,5	
302	TA254302	18810220025	Nguyễn Hải	Yên	24/04/2000	8,0	15,0	27,50	19,0	69,5	
303	TA254303	21810810113	Trần Thị Hải	Yến	08/04/2003	14,0	17,0	19,50	20,0	70,5	
304	TA254304	20810110287	Đặng Ngọc	An	09/08/2002	13,0	14,0	21,50	20,0	68,5	
305	TA254305	21810410435	Đình Quốc	Anh	30/05/2003	11,0	6,0	0,00	2,0	19,0	
306	TA254306	20810000492	Hoàng Tùng	Anh	13/01/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
307	TA254307	21810840254	Lê Thị Vân	Anh	08/07/2003	19,0	20,0	23,00	21,0	83,0	
308	TA254308	21810810120	Nguyễn Hà	Anh	04/01/2003	21,0	19,0	28,50	21,0	89,5	
309	TA254309	20810810108	Nguyễn Phương	Anh	22/06/2002	19,0	12,0	24,00	16,0	71,0	
310	TA254310	21810810154	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/08/2003	19,0	18,0	21,50	21,0	79,5	
311	TA254311	20810000040	Phạm Tuấn	Anh	25/04/2002	17,0	15,0	10,50	17,0	59,5	
312	TA254312	21810430775	Trần Đức	Anh	15/11/2000	14,0	16,0	19,50	17,0	66,5	
313	TA254313	21810810231	Vũ Nguyễn Phương	Anh	04/05/2003	16,0	18,0	20,50	19,0	73,5	
314	TA254314	21810810241	Tô Minh	Ánh	28/07/2003	15,0	19,0	15,50	17,0	66,5	
315	TA254315	21810430366	Lê Quang	Bách	22/03/2003	14,0	18,0	13,00	4,0	49,0	
316	TA254316	20810230124	Nguyễn Phương	Bình	12/04/2002	7,0	14,0	25,50	14,0	60,5	
317	TA254317	21819110021	Lâm Thành	Công	17/11/2003	8,0	15,0	24,00	12,0	59,0	
318	TA254318	21810710409	Mai Văn	Cường	21/12/2003	17,0	9,0	20,50	8,0	54,5	
319	TA254319	21810430406	Trương Quốc	Cường	29/08/2003	19,0	19,0	14,50	11,0	63,5	
320	TA254320	21810000387	Vũ Trí	Cường	22/05/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
321	TA254321	21810620379	Trần Văn	Chiến	05/02/2003	14,0	11,0	21,50	19,0	65,5	
322	TA254322	21810860365	Trần Văn	Chiều	09/10/2003	14,0	9,0	25,50	12,0	60,5	
323	TA254323	19810310643	Nguyễn Văn	Doanh	24/11/2001	10,0	0,0	0,00	2,0	12,0	
324	TA254324	19810230016	Đoàn Tiến	Dũng	28/03/2001	11,0	20,0	21,50	4,0	56,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
325	TA254325	21810620463	Ngô Hoàng	Dũng	13/09/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
326	TA254326	19810510157	Nguyễn Việt	Dũng	19/01/2001	9,0	19,0	17,00	20,0	65,0	
327	TA254327	20810430348	Ngô Quang	Duy	24/05/2002	13,0	19,0	26,50	16,0	74,5	
328	TA254328	21810820306	Lê Thị	Duyên	18/10/2003	9,0	17,0	23,00	13,0	62,0	
329	TA254329	19810230050	Đặng Tùng	Dương	13/08/2001	20,0	16,0	20,50	11,0	67,5	
330	TA254330	21810160420	Trần Hải	Dương	14/04/2003	17,0	19,0	22,50	19,0	77,5	
331	TA254331	20810410039	Cần Ngọc	Đạt	26/8/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
332	TA254332	20810160502	Nguyễn Tiến	Đạt	07/11/2002	13,0	9,0	12,00	16,0	50,0	
333	TA254333	21810710120	Phan Thành	Đạt	28/12/2003	18,0	16,0	25,50	16,0	75,5	
334	TA254334	21810620023	Bì Văn	Đăng	15/10/2003	17,0	9,0	21,50	14,0	61,5	
335	TA254335	21810430375	Phạm Tuấn	Đông	09/05/2003	16,0	10,0	20,50	17,0	63,5	
336	TA254336	20810340193	Hoàng Minh	Đức	08/07/2002	16,0	19,0	19,00	8,0	62,0	
337	TA254337	21810820159	Nguyễn Minh	Đức	06/12/2003	16,0	18,0	25,50	13,0	72,5	
338	TA254338	20810430210	Phạm Tấn	Đức	15/12/2002	8,0	8,0	19,00	10,0	45,0	
339	TA254339	20810510105	Vũ	Đức	21/11/2002	8,0	15,0	19,50	4,0	46,5	
340	TA254340	21810810246	Vương Hương	Giang	05/12/2003	8,0	16,0	13,00	3,0	40,0	
341	TA254341	21810710439	Chu Đức	Hải	29/12/2003	14,0	20,0	25,50	16,0	75,5	
342	TA254342	21810110127	Tàng Thanh	Hải	16/11/2003	11,0	13,0	20,50	4,0	48,5	
343	TA254343	21810860438	Vì Thị Kim	Hạnh	27/01/2003	17,0	15,0	18,00	16,0	66,0	
344	TA254344	21810710385	Nguyễn Minh	Hằng	04/05/2003	14,0	17,0	17,00	14,0	62,0	
345	TA254345	21810820183	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	25/02/2003	16,0	16,0	27,50	11,0	70,5	
346	TA254346	21810410010	Nguyễn Quốc	Hiệp	16/09/2003	17,0	17,0	20,50	16,0	70,5	
347	TA254347	21810710106	Đinh Trọng	Hiếu	08/07/2003	17,0	17,0	30,00	13,0	77,0	
348	TA254348	20810310278	Ngô Trung	Hiếu	04/12/2002	13,0	18,0	23,00	18,0	72,0	
349	TA254349	20810630055	Nguyễn Quang	Hiếu	14/10/2002	9,0	14,0	21,50	18,0	62,5	
350	TA254350	21810860398	Hoàng	Hiệu	16/05/2003	10,0	18,0	26,50	17,0	71,5	
351	TA254351	21810810057	Trịnh Thị Thu	Hoài	03/09/2003	9,0	16,0	15,50	17,0	57,5	
352	TA254352	20810310039	Hà Huy	Hoàn	25/7/2002	7,0	20,0	19,00	4,0	50,0	
353	TA254353	21810710054	Hồ Tự Mạnh	Hoàng	15/08/2003	4,0	0,0	0,00	1,0	5,0	
354	TA254354	20810320103	Nguyễn Văn	Hoàng	02/10/2002	13,0	16,0	27,50	12,0	68,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
355	TA254355	21810430550	Lê Văn	Hoạt	14/05/2003	14,0	18,0	12,00	16,0	60,0	
356	TA254356	20810170365	Nguyễn Đức	Hùng	06/07/2002	8,0	0,0	0,00	1,0	9,0	
357	TA254357	21810620040	Phí Đỗ	Hùng	17/05/2003	15,0	18,0	16,50	16,0	65,5	
358	TA254358	20810430405	Trần Hưng	Hùng	17/10/2001	15,0	16,0	19,50	3,0	53,5	
359	TA254359	20810000452	Nguyễn Văn	Huy	24/09/2002	13,0	13,0	19,50	7,0	52,5	
360	TA254360	20810620084	Phạm Văn	Huy	16/06/2002	16,0	16,0	17,00	16,0	65,0	
361	TA254361	21810710237	Phạm Khánh	Huyền	01/11/2003	17,0	16,0	24,00	18,0	75,0	
362	TA254362	20810810068	Phạm Ngọc	Huyền	11/10/2002	21,0	16,0	25,50	17,0	79,5	
363	TA254363	20810430254	Nguyễn Văn	Hưng	20/11/2002	19,0	16,0	17,00	15,0	67,0	
364	TA254364	21810180433	Nguyễn Văn	Hường	10/08/2003	18,0	15,0	20,50	18,0	71,5	
365	TA254365	21810000409	Trịnh Trung	Kiên	01/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
366	TA254366	21810820271	Hoàng Thị	Kim	21/04/2003	19,0	15,0	19,00	17,0	70,0	
367	TA254367	20810160483	Lại Duy	Khánh	10/04/2002	6,0	16,0	20,50	16,0	58,5	
368	TA254368	20810000394	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2002	18,0	15,0	29,00	8,0	70,0	
369	TA254369	21810820305	Nguyễn Thị	Lan	17/03/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
370	TA254370	21810820293	Nguyễn Thị	Lan	14/12/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
371	TA254371	20810230136	Nguyễn Thị Hồng	Liên	04/07/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
372	TA254372	20810410116	Đặng Tuấn	Linh	25/12/2002	11,0	19,0	22,50	14,0	66,5	
373	TA254373	21810820126	Lê Diệu	Linh	26/04/2003	21,0	17,0	10,50	19,0	67,5	
374	TA254374	21810110289	Lê Thị Thùy	Linh	06/09/2003	18,0	15,0	19,00	18,0	70,0	
375	TA254375	21810710208	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	28/07/2003	15,0	17,0	17,00	19,0	68,0	
376	TA254376	21810820257	Phùng Thảo	Linh	14/08/2003	14,0	18,0	16,50	19,0	67,5	
377	TA254377	20810000272	Đỗ Thành	Long	27/06/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
378	TA254378	ThS đầu vào	Chu Tiến	Lộc	4/8/2001	19,0	18,0	24,00	6,0	67,0	
379	TA254379	21810860416	Lê Thị	Luyến	20/07/2003	11,0	16,0	23,00	15,0	65,0	
380	TA254380	23810820120	Hoàng Thị Khánh	Ly	28/08/2005	12,0	17,0	25,00	11,0	65,0	
381	TA254381	21810310146	Lương Thị Xuân	Mai	26/12/2003	20,0	15,0	21,50	15,0	71,5	
382	TA254382	19810610074	Lê Đức	Mạnh	30/07/2001	23,0	18,0	26,50	14,0	81,5	
383	TA254383	20810110226	Nguyễn Tiến	Mạnh	17/11/2002	11,0	18,0	16,50	14,0	59,5	
384	TA254384	21810820134	Đào Ngọc	Minh	29/03/2003	14,0	19,0	18,00	14,0	65,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
385	TA254385	21810110091	Hoàng Quang	Minh	13/02/2003	17,0	20,0	22,50	19,0	78,5	
386	TA254386	20810420022	Nguyễn Nhật	Minh	12/4/2002	15,0	12,0	25,50	9,0	61,5	
387	TA254387	21810810220	Trịnh Tuấn	Minh	05/06/2003	24,0	14,0	25,50	13,0	76,5	
388	TA254388	21810810093	Vũ Thu	My	13/09/2003	14,0	16,0	26,50	18,0	74,5	
389	TA254389	23810510104	Cao Thành	Nam	21/01/2005	18,0	17,0	18,00	16,0	69,0	
390	TA254390	21810170430	Lương Duy	Nam	22/04/2003	19,0	19,0	29,00	18,0	85,0	
391	TA254391	20810420064	Nguyễn Huy	Nam	13/5/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
392	TA254392	21810860425	Quách Cao	Nam	25/09/2003	17,0	16,0	29,00	19,0	81,0	
393	TA254393	21810810074	Đoàn Thị Thanh	Nga	18/04/2001	19,0	18,0	26,50	19,0	82,5	
394	TA254394	21810860442	Trần Thu	Ngân	23/07/2003	22,0	18,0	22,50	19,0	81,5	
395	TA254395	21810610444	Nguyễn Văn	NghiA	18/02/2003	15,0	15,0	23,00	15,0	68,0	
396	TA254396	20810000125	Đỗ Hồng	Ngọc	14/12/2002	21,0	18,0	23,00	15,0	77,0	
397	TA254397	21810820087	Nguyễn Phương	Ngọc	07/10/2001	18,0	18,0	27,50	17,0	80,5	
398	TA254398	21810000373	Vũ Thị Minh	Nguyệt	06/08/2003	21,0	15,0	18,00	17,0	71,0	
399	TA254399	21810820138	Nguyễn Thị Hằng	Nhi	22/03/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
400	TA254400	21810820190	Giang Thị Hồng	Nhung	09/05/2003	14,0	19,0	19,50	17,0	69,5	
401	TA254401	21810430602	Hoàng Huy	Phong	12/08/2003	20,0	18,0	19,50	22,0	79,5	
402	TA254402	21810720001	Nguyễn Gia	Phong	17/02/2003	20,0	16,0	19,00	18,0	73,0	
403	TA254403	ThS đầu vào	Hà Văn	Phú	12/28/2000	21,0	18,0	19,50	22,0	80,5	
404	TA254404	21810310439	Nguyễn Văn	Phúc	03/06/2003	21,0	16,0	12,00	17,0	66,0	
405	TA254405	21810710418	Đào Hồng	Phương	01/12/2003	21,0	15,0	22,50	19,0	77,5	
406	TA254406	21810810237	Lê Thu	Phương	26/08/2003	21,0	13,0	7,50	19,0	60,5	
407	TA254407	21810610009	Phạm Duy	Phương	29/07/2003	21,0	10,0	12,00	11,0	54,0	
408	TA254408	21810710131	Trần Thị Mai	Phương	15/11/2003	20,0	12,0	13,00	8,0	53,0	
409	TA254409	20810410029	Hoàng Đức	Quang	17/11/2002	21,0	5,0	8,50	9,0	43,5	
410	TA254410	21810410033	Nguyễn Ngọc	Quang	18/07/2003	24,0	8,0	15,50	12,0	59,5	
411	TA254411	21810170300	Dương Anh	Quân	15/09/2003	18,0	17,0	22,50	15,0	72,5	
412	TA254412	21810170425	Nguyễn Hồng	Quân	15/11/2003	17,0	8,0	10,50	10,0	45,5	
413	TA254413	21810860431	Kiều Phương	Quý	29/12/2003	17,0	10,0	9,50	3,0	39,5	
414	TA254414	20810420001	Nguyễn Văn	Quý	31/8/2002	17,0	8,0	18,00	8,0	51,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
415	TA254415	21810710422	Vũ Văn	Quý	11/09/2003	18,0	14,0	13,50	14,0	59,5	
416	TA254416	21810710395	Lê Diễm	Quỳnh	09/02/2003	21,0	16,0	11,00	15,0	63,0	
417	TA254417	20810170351	Nguyễn Văn	San	02/03/2002	21,0	12,0	20,50	15,0	68,5	
418	TA254418	21810820154	Bùi Vũ Minh	Sơn	13/06/2003	19,0	15,0	27,50	15,0	76,5	
419	TA254419	21810810257	Hoàng Minh	Sơn	16/10/2003	15,0	15,0	15,50	15,0	60,5	
420	TA254420	20810160553	Trần Ngọc	Sơn	20/08/2002	18,0	7,0	12,00	14,0	51,0	
421	TA254421	22810430356	Đặng Văn	Tâm	30/10/2004	16,0	9,0	21,50	8,0	54,5	
422	TA254422	20810340221	Vũ Bá	Tân	15/03/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
423	TA254423	21810410134	Đỗ Văn	Tiến	01/03/2003	21,0	10,0	16,50	13,0	60,5	
424	TA254424	20810430357	Nguyễn Trọng	Tiến	14/07/2002	20,0	10,0	15,50	9,0	54,5	
425	TA254425	21810110095	Phạm Văn	Tinh	03/02/2003	21,0	10,0	11,00	19,0	61,0	
426	TA254426	19810420288	Vũ Đình	Toàn	05/04/2001	19,0	7,0	17,00	12,0	55,0	
427	TA254427	21810410166	Nguyễn Tuấn	Tú	02/11/2003	12,0	10,0	6,00	17,0	45,0	
428	TA254428	21810720318	Trần Quang	Tú	22/10/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
429	TA254429	21819110026	Lê Trọng	Tuấn	10/02/2003	16,0	8,0	17,00	9,0	50,0	
430	TA254430	20810310268	Phạm Minh	Tuấn	15/04/2002	16,0	15,0	24,00	13,0	68,0	
431	TA254431	21810620469	Vũ Đình	Tuấn	10/11/2003	16,0	7,0	27,50	14,0	64,5	
432	TA254432	20810310476	Nguyễn Khánh	Tùng	26/12/2002	19,0	16,0	23,00	4,0	62,0	
433	TA254433	21810430524	Trịnh Thanh	Tùng	17/09/2003	24,0	12,0	26,50	12,0	74,5	
434	TA254434	20810230001	Chu Danh	Thái	28/7/2002	24,0	10,0	25,00	10,0	69,0	
435	TA254435	20810230128	Lê Hoàng	Thành	08/04/2002	24,0	20,0	22,50	17,0	83,5	
436	TA254436	21810810134	Lê Thanh	Thảo	01/06/2003	16,0	19,0	23,00	18,0	76,0	
437	TA254437	21810860437	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/12/2003	17,0	18,0	15,50	20,0	70,5	
438	TA254438	21810310108	Nguyễn Khắc	Thắng	16/09/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
439	TA254439	20810310559	Phạm Đình	Thêm	25/09/2002	16,0	13,0	26,50	17,0	72,5	
440	TA254440	21810840227	Đoàn Thị	Thu	22/06/2003	16,0	16,0	18,00	17,0	67,0	
441	TA254441	21810710230	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	21/08/2003	16,0	14,0	26,50	11,0	67,5	
442	TA254442	2283010105	Trần Xuân	Thường	19/01/1993	13,0	20,0	23,00	14,0	70,0	
443	TA254443	21810860378	Nguyễn Thị	Trang	24/08/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
444	TA254444	21810710350	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/05/2003	17,0	17,0	25,50	10,0	69,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
445	TA254445	21810710425	Trần Thu	Trang	22/12/2003	17,0	15,0	27,50	14,0	73,5	
446	TA254446	21810840303	Nguyễn Vũ	Triệu	13/01/2003	17,0	14,0	19,00	16,0	66,0	
447	TA254447	19810000158	Nguyễn Đình	Trung	02/04/2001	13,0	12,0	13,00	17,0	55,0	
448	TA254448	20810430377	Ngô Xuân	Trường	07/05/2002	17,0	7,0	27,50	15,0	66,5	
449	TA254449	21819130188	Đỗ Hoàng	Vân	20/09/2003	19,0	12,0	27,50	16,0	74,5	
450	TA254450	20810310005	Bùi Đức	Việt	28/11/2002	19,0	19,0	25,50	17,0	80,5	
451	TA254451	20810310070	Đỗ Nguyên	Vũ	10/09/2002	10,0	19,0	19,50	19,0	67,5	
452	TA254452	21810430721	Nguyễn Hữu	Vượng	28/01/2003	9,0	16,0	15,50	8,0	48,5	
453	TA254453	20810620105	Đỗ Duy	An	15/01/2002	10,0	15,0	25,00	8,0	58,0	
454	TA254454	21810820228	Đặng Hoàng	Anh	04/04/2003	12,0	18,0	26,50	14,0	70,5	
455	TA254455	21810710204	Hoàng Tuấn	Anh	26/02/2003	12,0	17,0	19,50	14,0	62,5	
456	TA254456	21810410016	Lưu Hoàng Quốc	Anh	02/09/2003	15,0	19,0	16,50	11,0	61,5	
457	TA254457	21810820233	Nguyễn Hồng	Anh	05/09/2003	15,0	18,0	21,50	8,0	62,5	
458	TA254458	21810810077	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2003	10,0	17,0	10,50	5,0	42,5	
459	TA254459	21810820327	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	05/07/2003	7,0	17,0	19,50	6,0	49,5	
460	TA254460	21810850202	Phạm Thị Ngọc	Anh	15/10/2003	10,0	17,0	23,00	18,0	68,0	
461	TA254461	20810230106	Trần Thế	Anh	29/06/2002	10,0	16,0	26,50	13,0	65,5	
462	TA254462	21810720315	Vũ Quỳnh	Anh	03/04/2003	13,0	19,0	29,00	12,0	73,0	
463	TA254463	21810710460	Phạm Ngọc	Ánh	19/08/2003	8,0	19,0	25,00	21,0	73,0	
464	TA254464	23810820096	Ngô Đăng	Bảo	28/07/2005	19,0	16,0	27,50	19,0	81,5	
465	TA254465	20810000435	Trần Huy	Bình	21/11/2002	12,0	17,0	22,50	17,0	68,5	
466	TA254466	21810170510	Nguyễn Huy	Công	30/10/2003	7,0	17,0	23,00	19,0	66,0	
467	TA254467	21810110090	Nguyễn Mạnh	Cường	25/11/2003	7,0	15,0	12,00	4,0	38,0	
468	TA254468	21810110244	Nguyễn Văn	Cường	10/12/2003	11,0	17,0	20,50	5,0	53,5	
469	TA254469	21810820223	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	12/12/2003	10,0	18,0	17,00	19,0	64,0	
470	TA254470	20810310269	Nguyễn Hữu	Chiến	17/11/2002	11,0	16,0	21,50	20,0	68,5	
471	TA254471	21810430761	Nguyễn Văn	Chính	31/07/2003	14,0	18,0	18,00	18,0	68,0	
472	TA254472	21810110109	Lò Minh	Diệp	15/10/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
473	TA254473	21810860373	Mai Thị Kim	Dung	27/10/2003	11,0	17,0	23,00	15,0	66,0	
474	TA254474	21810110232	Nguyễn Anh	Dũng	30/01/2003	13,0	17,0	19,50	10,0	59,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
475	TA254475	21810310393	Nguyễn Tuấn	Dũng	21/01/2003	16,0	17,0	29,00	9,0	71,0	
476	TA254476	21810180363	Đặng Tiến	Duy	15/01/2003	11,0	18,0	25,50	11,0	65,5	
477	TA254477	21810820081	Đặng Thị	Duyên	27/06/2003	10,0	17,0	20,50	3,0	50,5	
478	TA254478	20810320087	Nguyễn	Dương	01/07/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
479	TA254479	20810340256	Nguyễn Trần Tuấn	Dương	02/05/2002	15,0	19,0	16,50	16,0	66,5	
480	TA254480	20810170344	Trần Văn	Đạo	11/11/2002	13,0	0,0	0,00	3,0	16,0	
481	TA254481	21810620465	Nguyễn Tiến	Đạt	10/04/2003	16,0	18,0	28,50	6,0	68,5	
482	TA254482	21810430367	Nguyễn Văn	Đạt	22/05/2003	13,0	15,0	28,50	10,0	66,5	
483	TA254483	21810430641	Vũ Thành	Đạt	24/02/2003	14,0	19,0	20,50	10,0	63,5	
484	TA254484	21810410046	Nguyễn Xuân	Đoàn	12/10/2003	16,0	15,0	13,00	10,0	54,0	
485	TA254485	19810430330	Hà Duy	Đức	07/02/2001	11,0	15,0	25,00	8,0	59,0	
486	TA254486	20810110289	Nguyễn Minh	Đức	21/08/2002	10,0	16,0	15,50	8,0	49,5	
487	TA254487	20810230131	Nguyễn Thế	Đức	04/06/2002	11,0	18,0	20,50	10,0	59,5	
488	TA254488	21810710398	Hồ Linh	Giang	04/10/2003	10,0	18,0	27,50	8,0	63,5	
489	TA254489	21810810283	Ngô Việt	Hà	26/04/2003	12,0	17,0	14,50	4,0	47,5	
490	TA254490	21810860457	Hoàng Thị Thanh	Hải	01/07/2003	11,0	18,0	26,50	8,0	63,5	
491	TA254491	20810410102	Trần Nam	Hải	22/9/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
492	TA254492	20810430225	Lê Xuân Anh	Hào	11/11/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
493	TA254493	21810850415	Nguyễn Thị	Hằng	23/12/2002	6,0	15,0	19,50	4,0	44,5	
494	TA254494	21810810094	Trần Thị Thanh	Hiên	14/03/2003	11,0	17,0	24,00	5,0	57,0	
495	TA254495	20810430273	Nguyễn Tấn	Hiệp	10/07/2002	9,0	16,0	13,50	11,0	49,5	
496	TA254496	20810420018	Dương Trung	Hiếu	01/1/2002	10,0	14,0	19,00	8,0	51,0	
497	TA254497	21810110086	Nguyễn Duy	Hiếu	19/09/2003	15,0	17,0	27,50	8,0	67,5	
498	TA254498	21810710217	Phạm Minh	Hiếu	13/04/2003	16,0	16,0	22,50	12,0	66,5	
499	TA254499	21810110270	Đặng Quốc	Hiệu	28/12/2003	7,0	15,0	21,50	2,0	45,5	
500	TA254500	21810810325	Hoàng Thị Khánh	Hoài	21/04/2003	5,0	0,0	0,00	3,0	8,0	
501	TA254501	19810310273	Nghiêm Văn	Hoàn	29/05/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
502	TA254502	20810170353	Nguyễn Đình	Hoàng	26/07/2002	10,0	14,0	25,50	10,0	59,5	
503	TA254503	20810410095	Nguyễn Việt	Hoàng	15/11/2002	14,0	15,0	30,00	11,0	70,0	
504	TA254504	21810850383	Nguyễn Thị Ngọc	Huế	07/11/2003	12,0	13,0	26,50	10,0	61,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
505	TA254505	ThS đầu vào	Lý Văn	Hùng	15/8/1997	8,0	16,0	13,00	8,0	45,0	
506	TA254506	20810540009	Nguyễn Việt	Hùng	03/11/2002	10,0	14,0	24,00	6,0	54,0	
507	TA254507	21810430522	Cao Duy	Huy	08/09/2003	16,0	17,0	28,50	13,0	74,5	
508	TA254508	20810430122	Nguyễn Quang	Huy	28/4/2001	6,0	0,0	14,50	1,0	21,5	
509	TA254509	21810410084	Trần Quang	Huy	09/12/2003	11,0	17,0	29,00	9,0	66,0	
510	TA254510	21810820146	Nguyễn Thanh	Huyền	04/01/2003	16,0	19,0	30,00	15,0	80,0	
511	TA254511	21810710342	Từ Thị Minh	Huyền	06/12/2003	17,0	16,0	18,00	20,0	71,0	
512	TA254512	21810430718	Nguyễn Tuấn	Hưng	14/02/2003	11,0	15,0	27,50	10,0	63,5	
513	TA254513	21810860412	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/08/2003	9,0	17,0	30,00	12,0	68,0	
514	TA254514	20810340166	Trần Chí	Kiên	28/03/2002	7,0	18,0	25,50	10,0	60,5	
515	TA254515	21810620013	Đặng An	Khánh	14/12/2003	18,0	19,0	28,50	17,0	82,5	
516	TA254516	20810320106	Nguyễn Ngọc	Khánh	04/04/2002	20,0	20,0	29,00	16,0	85,0	
517	TA254517	2272010145	Trần Công	Khánh	25/11/1998	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
518	TA254518	21810840207	Lê Trọng	Khôi	25/09/2003	22,0	19,0	20,50	12,0	73,5	
519	TA254519	20810410054	Phạm Phúc	Lâm	21/01/2002	8,0	11,0	30,00	1,0	50,0	
520	TA254520	20810000111	Nguyễn Thị	Liên	15/10/2002	9,0	0,0	0,00	3,0	12,0	
521	TA254521	21810830311	Đỗ Hải	Linh	20/01/2003	12,0	16,0	25,50	8,0	61,5	
522	TA254522	21810810308	Hoàng Diệu Thùy	Linh	02/07/2003	14,0	16,0	13,50	6,0	49,5	
523	TA254523	21810000430	Nguyễn Bá	Linh	08/08/2003	14,0	16,0	19,00	6,0	55,0	
524	TA254524	21810820144	Nguyễn Thùy	Linh	16/12/2003	12,0	16,0	26,50	5,0	59,5	
525	TA254525	20810420097	Trần Quang	Linh	04/04/2002	8,0	10,0	22,50	4,0	44,5	
526	TA254526	21810840297	Nguyễn Gia	Long	04/03/2003	12,0	0,0	0,00	8,0	20,0	
527	TA254527	21810430552	Hoàng Văn	Lộc	20/09/2003	15,0	15,0	30,00	8,0	68,0	
528	TA254528	21810410076	Nguyễn Đình	Lực	30/10/2003	12,0	12,0	25,00	2,0	51,0	
529	TA254529	21810000400	Nguyễn Khánh	Ly	09/12/2003	12,0	20,0	11,00	3,0	46,0	
530	TA254530	21810860428	Nguyễn Như	Mai	24/11/2003	16,0	18,0	25,00	18,0	77,0	
531	TA254531	21810850403	Trần Vũ Ngọc	Mai	16/05/2003	12,0	12,0	22,50	15,0	61,5	
532	TA254532	20810340245	Vũ Đức	Mạnh	02/11/2002	10,0	10,0	19,00	0,0	39,0	
533	TA254533	20810340143	Đỗ Ngọc	Minh	26/09/2002	11,0	16,0	20,50	3,0	50,5	
534	TA254534	21810230047	Kiều Anh	Minh	15/01/2003	10,0	16,0	21,50	2,0	49,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
535	TA254535	21810840235	Phùng Quang	Minh	22/10/2003	9,0	20,0	20,50	5,0	54,5	
536	TA254536	21819110037	Lê Huy	Mùi	03/04/2003	8,0	0,0	0,00	0,0	8,0	
537	TA254537	20810610258	Nguyễn Ngọc	Mỹ	11/01/2002	9,0	13,0	14,50	9,0	45,5	
538	TA254538	19810310620	Đỗ Hoài	Nam	09/05/2001	12,0	19,0	19,50	9,0	59,5	
539	TA254539	21810110093	Lý Bảo	Nam	22/10/2000	11,0	8,0	26,50	8,0	53,5	
540	TA254540	19810310059	Nguyễn Sỹ Phúc	Nam	20/04/2001	11,0	20,0	19,50	18,0	68,5	
541	TA254541	21810000378	Trần Đức	Nam	08/03/2003	15,0	19,0	19,00	10,0	63,0	
542	TA254542	21810000433	Nguyễn Thị Hằng	Nga	15/01/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
543	TA254543	21810310394	Trần Thanh	Ngân	16/09/2003	20,0	17,0	21,50	10,0	68,5	
544	TA254544	21810620589	Nguyễn Hữu	Nghĩa	10/12/2003	21,0	13,0	27,50	10,0	71,5	
545	TA254545	21810820290	Hoàng Thị	Ngọc	30/05/2003	16,0	14,0	25,00	8,0	63,0	
546	TA254546	21810820319	Đỗ Hạnh	Nguyên	24/02/2003	13,0	16,0	0,00	12,0	41,0	
547	TA254547	21810810054	Lê Thị Thanh	Nhàn	05/07/2003	16,0	15,0	19,50	8,0	58,5	
548	TA254548	21810850412	Trần Thị Uyên	Nhi	15/05/2003	13,0	16,0	18,00	6,0	53,0	
549	TA254549	21810710345	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	15,0	14,0	25,50	6,0	60,5	
550	TA254550	21810610069	Lã Thành	Phong	19/03/2003	20,0	12,0	27,50	12,0	71,5	
551	TA254551	19810310188	Nguyễn Quốc	Phong	27/05/2001	18,0	17,0	24,00	5,0	64,0	
552	TA254552	20810430397	Nguyễn Hữu	Phú	07/01/2002	15,0	12,0	25,50	3,0	55,5	
553	TA254553	19810310126	Phan Minh	Phúc	03/08/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
554	TA254554	20810420109	Đỗ Minh	Phương	22/08/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
555	TA254555	21810310446	Lê Vạn	Phương	04/12/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
556	TA254556	21810850409	Phạm Thị Minh	Phương	11/10/2003	19,0	15,0	19,50	15,0	68,5	
557	TA254557	21810840237	Vũ Thị Linh	Phương	20/6/2003	15,0	10,0	18,00	8,0	51,0	
558	TA254558	21810820145	Hoàng Hồ	Quang	26/10/2003	15,0	16,0	16,50	8,0	55,5	
559	TA254559	19810110336	Nguyễn Văn	Quang	14/8/2001	16,0	10,0	25,50	8,0	59,5	
560	TA254560	21810110380	Dương Hồng	Quân	28/08/2003	17,0	14,0	22,50	14,0	67,5	
561	TA254561	21810820133	Phạm Anh	Quân	29/09/2003	19,0	11,0	28,50	17,0	75,5	
562	TA254562	20810110294	Vũ Minh	Quân	13/08/2002	15,0	10,0	17,00	19,0	61,0	
563	TA254563	20810110277	Phạm Ngọc	Quý	04/08/2002	14,0	10,0	25,50	15,0	64,5	
564	TA254564	22810180357	Nguyễn Trọng	Quyền	21/09/2003	16,0	12,0	25,00	17,0	70,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
565	TA254565	21810000408	Nguyễn Trúc	Quỳnh	02/11/2003	15,0	15,0	13,00	21,0	64,0	
566	TA254566	20810320094	Lê Văn	Sang	14/09/2002	13,0	18,0	21,50	18,0	70,5	
567	TA254567	20810000329	Cao Thái	Sơn	22/05/2002	15,0	15,0	21,50	18,0	69,5	
568	TA254568	21810710091	Ngô Đình	Sơn	22/09/2003	18,0	18,0	19,00	13,0	68,0	
569	TA254569	20810310270	Phùng Thái	Sơn	26/02/2002	17,0	11,0	13,00	13,0	54,0	
570	TA254570	20810110165	Nguyễn Bình	Tâm	08/03/2002	16,0	0,0	0,00	15,0	31,0	Vi phạm quy chế
571	TA254571	19810310139	Vũ Như	Tân	20/12/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
572	TA254572	19810000130	Ngô Quang	Tiến	24/08/2001	9,0	12,0	25,00	15,0	61,0	
573	TA254573	19810420254	Nguyễn Văn	Tiến	22/11/2001	15,0	9,0	10,50	10,0	44,5	
574	TA254574	21810180250	Bùi Đức	Toàn	23/01/2003	15,0	9,0	9,50	16,0	49,5	
575	TA254575	20810340158	Đỗ Thành	Tú	23/09/2002	14,0	10,0	8,50	14,0	46,5	
576	TA254576	21810430617	Nguyễn Văn	Tú	02/08/2003	14,0	9,0	13,00	22,0	58,0	
577	TA254577	19810230061	Phạm Anh	Tuân	23/12/2001	13,0	8,0	25,50	18,0	64,5	
578	TA254578	21819110034	Ngô Quốc	Tuấn	20/04/2003	12,0	8,0	19,00	18,0	57,0	
579	TA254579	20810430299	Phan Anh	Tuấn	15/06/2001	14,0	4,0	25,50	18,0	61,5	
580	TA254580	20810170411	Vũ Hoàng	Tuấn	19/06/2002	10,0	5,0	26,50	10,0	51,5	
581	TA254581	21810410073	Nguyễn Mạnh	Tùng	15/06/2003	9,0	11,0	23,00	10,0	53,0	
582	TA254582	20810110163	Ngô Bá	Tuyển	24/03/2002	10,0	11,0	17,00	8,0	46,0	
583	TA254583	20810430263	Đinh Văn	Thái	08/10/2002	10,0	2,0	0,00	8,0	20,0	
584	TA254584	20819110074	Ngô Đức	Thành	31/12/2002	13,0	5,0	19,00	18,0	55,0	
585	TA254585	21810710339	Lưu Phương	Thảo	21/01/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
586	TA254586	21810850214	Trần Phương	Thảo	06/06/2003	11,0	11,0	18,00	8,0	48,0	
587	TA254587	21810680462	Nguyễn Minh	Thắng	12/09/2003	10,0	10,0	21,50	8,0	49,5	
588	TA254588	19810320033	Nguyễn Đức	Thịnh	13/04/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
589	TA254589	21810850404	Trần Thị	Thu	12/05/2003	7,0	8,0	25,00	15,0	55,0	
590	TA254590	ThS đầu vào	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	29/6/1984	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
591	TA254591	21810710320	Phí Thị Thanh	Trà	10/03/2003	8,0	11,0	21,50	9,0	49,5	
592	TA254592	21810710317	Nguyễn Thị	Trang	11/07/2003	10,0	14,0	24,00	8,0	56,0	
593	TA254593	21810820318	Nguyễn Thu	Trang	30/08/2003	4,0	12,0	19,50	8,0	43,5	
594	TA254594	21810710403	Trần Quỳnh	Trang	25/05/2003	8,0	13,0	16,50	8,0	45,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
595	TA254595	21810810191	Nguyễn Thị Kiều	Trình	19/08/2003	10,0	12,0	17,00	9,0	48,0	
596	TA254596	20810710241	Nguyễn Hoàng	Trung	05/09/2002	15,0	18,0	19,50	15,0	67,5	
597	TA254597	20810000327	Nguyễn Hữu	Trường	23/09/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
598	TA254598	21810810228	Lê Thị Thảo	Vân	17/11/2003	5,0	13,0	30,00	14,0	62,0	
599	TA254599	20810420102	Chu Quốc	Việt	09/4/2002	14,0	8,0	25,50	9,0	56,5	
600	TA254600	21810820130	Lê Minh	Vũ	07/04/2003	15,0	15,0	18,00	18,0	66,0	
601	TA254601	21810710060	Nguyễn Thị	Vy	19/12/2003	9,0	17,0	22,50	12,0	60,5	
602	TA254602	21810840245	La Thị Khánh	An	27/12/2002	15,0	19,0	22,50	13,0	69,5	
603	TA254603	21810110531	Đào Đức	Anh	07/04/2003	7,0	18,0	26,50	10,0	61,5	
604	TA254604	21810810137	Đồng Thị Huệ	Anh	08/05/2003	15,0	19,0	27,50	22,0	83,5	
605	TA254605	20810610243	Nguyễn Đức	Anh	26/01/2002	9,0	13,0	23,00	5,0	50,0	
606	TA254606	20810410060	Nguyễn Huy Việt	Anh	30/4/2002	13,0	17,0	25,50	9,0	64,5	
607	TA254607	21810620442	Nguyễn Tuấn	Anh	25/03/2003	10,0	14,0	27,50	8,0	59,5	
608	TA254608	19810310265	Nguyễn Văn	Anh	28/12/2001	18,0	14,0	19,00	19,0	70,0	
609	TA254609	20810000497	Phạm Văn Tuấn	Anh	12/6/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
610	TA254610	21810620034	Trịnh Quang	Anh	14/10/2003	9,0	20,0	25,00	8,0	62,0	
611	TA254611	21810710174	Đặng Thị Ngọc	Ánh	02/11/2003	13,0	16,0	28,50	16,0	73,5	
612	TA254612	21810810025	Lưu Ngọc	Ánh	30/09/2003	14,0	16,0	30,00	16,0	76,0	
613	TA254613	19810310478	Hoàng Khánh	Bằng	11/05/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
614	TA254614	19810430288	Nguyễn Đăng	Cần	28/10/2001	16,0	16,0	27,50	8,0	67,5	
615	TA254615	21810710336	Nguyễn Thành	Công	18/12/2003	7,0	19,0	25,00	18,0	69,0	
616	TA254616	21819120126	Nguyễn Quốc	Cường	24/09/2003	15,0	15,0	28,50	15,0	73,5	
617	TA254617	21810620559	Nguyễn Văn	Cường	08/08/2003	16,0	17,0	26,50	9,0	68,5	
618	TA254618	ThS đầu vào	Vũ Bảo	Châu	10/12/2001	15,0	18,0	24,00	11,0	68,0	
619	TA254619	21810230401	Nguyễn Linh	Chi	31/08/2003	15,0	19,0	25,50	15,0	74,5	
620	TA254620	19810420141	Phạm Văn	Chính	09/08/2001	8,0	19,0	28,50	14,0	69,5	
621	TA254621	20819110087	Nguyễn Thanh	Danh	25/03/2002	9,0	16,0	16,50	9,0	50,5	
622	TA254622	21810110030	Kiều Văn	Dũng	04/07/2003	9,0	15,0	27,50	22,0	73,5	
623	TA254623	20810610014	Nguyễn Mạnh	Dũng	08/10/2002	11,0	14,0	25,50	8,0	58,5	
624	TA254624	20810310454	Nguyễn Minh	Dũng	10/08/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
625	TA254625	20810110266	Phùng Đức	Dũng	26/02/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
626	TA254626	21810710042	Trần Đức	Duy	14/07/2003	11,0	12,0	29,00	8,0	60,0	
627	TA254627	19810710074	Nguyễn Hoàng	Dương	17/07/2001	10,0	14,0	26,50	8,0	58,5	
628	TA254628	20810110243	Đậu Trọng	Đại	01/01/2002	3,0	0,0	0,00	0,0	3,0	
629	TA254629	21810430377	Nguyễn Xuân	Đại	10/05/2003	15,0	13,0	24,00	10,0	62,0	
630	TA254630	20810110188	Nguyễn Đức	Đạt	22/09/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
631	TA254631	22810430357	Nguyễn Trọng	Đạt	16/05/2004	13,0	14,0	25,50	8,0	60,5	
632	TA254632	21810110275	Trần Tiến	Đạt	20/07/2003	11,0	15,0	28,50	3,0	57,5	
633	TA254633	21810680517	Nguyễn Văn	Đoàn	10/07/2003	13,0	15,0	29,00	8,0	65,0	
634	TA254634	ThS đầu vào	Đào Xuân	Đức	7/11/1972	12,0	17,0	16,50	19,5	65,0	
635	TA254635	21810710123	Lưu Quang	Đức	27/03/2003	13,0	15,0	23,00	18,0	69,0	
636	TA254636	ThS đầu vào	Nguyễn Minh	Đức	28/11/1998	14,0	15,0	24,00	22,0	75,0	
637	TA254637	21810710053	Nguyễn Thùy	Giang	02/08/2003	16,0	18,0	27,50	21,0	82,5	
638	TA254638	21819110169	Tạ Huy	Hà	18/02/2003	18,0	18,0	14,50	20,0	70,5	
639	TA254639	21810220481	Lý Thị Bích	Hải	22/01/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
640	TA254640	21810620008	Trần Trọng	Hải	08/09/2003	12,0	17,0	20,50	8,0	57,5	
641	TA254641	21810820161	Hoàng Thị Bích	Hằng	15/02/2003	8,0	13,0	27,50	4,0	52,5	
642	TA254642	21810110089	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/11/2003	9,0	17,0	27,50	5,0	58,5	
643	TA254643	20810310345	Phạm Thế	Hiền	06/04/2002	11,0	0,0	0,00	8,0	19,0	
644	TA254644	ThS đầu vào	Trần Hoàng	Hiệp	16/2/1998	14,0	18,0	24,00	22,0	78,0	
645	TA254645	20810160527	Bùi Mạnh	Hiếu	23/07/2002	13,0	18,0	19,50	22,0	72,5	
646	TA254646	21810620511	Nguyễn Gia	Hiếu	16/11/2003	18,0	19,0	22,50	22,0	81,5	
647	TA254647	21810110251	Phạm Quang	Hiếu	12/12/2003	21,0	16,0	27,50	20,0	84,5	
648	TA254648	21810110059	Bùi Duy	Hiệu	10/01/2003	20,0	15,0	23,00	21,0	79,0	
649	TA254649	21810820202	Lưu Thị	Hoa	21/10/2003	13,0	15,0	29,00	11,0	68,0	
650	TA254650	21810710187	Nguyễn Minh	Hoàn	01/02/2003	11,0	19,0	26,50	18,0	74,5	
651	TA254651	21810410483	Nguyễn Đức	Hoàng	14/05/2003	6,0	16,0	21,50	4,0	47,5	
652	TA254652	20810310021	Nguyễn Việt	Hoàng	19/01/2002	7,0	18,0	19,00	4,0	48,0	
653	TA254653	20810720032	Nông Thu	Huệ	01/9/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
654	TA254654	21810710300	Đỗ Mạnh	Hùng	23/06/2003	17,0	16,0	14,50	20,0	67,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
655	TA254655	19810310613	Nguyễn Trọng	Hùng	10/11/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
656	TA254656	21810430369	Lâm Quang	Huy	22/11/2003	21,0	16,0	14,50	8,0	59,5	
657	TA254657	21810680430	Lê Quang	Huy	01/11/2003	17,0	18,0	18,00	9,0	62,0	
658	TA254658	21810710089	Hoàng Ngọc	Huyền	01/02/2003	18,0	15,0	11,00	11,0	55,0	
659	TA254659	21810810280	Mai Thị Thanh	Huyền	29/10/2003	15,0	17,0	22,50	8,0	62,5	
660	TA254660	21810810035	Hoàng Quang	Hưng	05/02/2003	13,0	18,0	19,00	11,0	61,0	
661	TA254661	21810860237	Lê Văn	Hưng	12/01/2003	13,0	17,0	15,50	5,0	50,5	
662	TA254662	ThS đầu vào	Nguyễn Thị	Hường	16/3/1985	15,0	16,0	13,50	10,0	54,5	
663	TA254663	20810540046	Nguyễn Trung	Kiên	10/4/2002	18,0	19,0	21,50	9,0	67,5	
664	TA254664	21810680491	Đoàn Duy	Khánh	07/01/2003	19,0	0,0	6,00	8,0	33,0	
665	TA254665	21810430531	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	01/09/2003	20,0	17,0	22,50	8,0	67,5	
666	TA254666	20810620095	Trần Quốc	Khánh	28/09/2002	20,0	16,0	18,00	9,0	63,0	
667	TA254667	19810420345	Hà Văn	Khoan	19/09/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
668	TA254668	21810180252	Đình Quốc	Lập	27/02/2003	21,0	18,0	13,50	21,0	73,5	
669	TA254669	2283010100	Nguyễn Xuân	Lập	11/04/1980	16,0	18,0	12,00	13,0	59,0	
670	TA254670	20810310546	Đới Xuân	Linh	28/02/2002	13,0	18,0	19,00	8,0	58,0	
671	TA254671	21810810211	Hà Ngọc	Linh	13/10/2003	16,0	20,0	25,00	20,0	81,0	
672	TA254672	21810710059	Nguyễn Hoài	Linh	12/12/2003	13,0	17,0	19,50	9,0	58,5	
673	TA254673	21810170466	Nguyễn Tri	Linh	04/03/2003	19,0	16,0	28,50	10,0	73,5	
674	TA254674	21810820270	Trần Thị Thảo	Linh	21/10/2003	22,0	17,0	25,50	11,0	75,5	
675	TA254675	19810420358	Nguyễn Ngọc	Long	29/07/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
676	TA254676	20819120020	Nông Hồng	Lộc	20/02/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
677	TA254677	21810430526	Nguyễn Trọng	Lương	13/12/2003	15,0	15,0	14,50	18,0	62,5	
678	TA254678	21810810071	Phan Thị Khánh	Ly	03/01/2003	16,0	17,0	12,00	20,0	65,0	
679	TA254679	21810710313	Nguyễn Thanh	Mai	06/10/2003	16,0	19,0	28,50	22,0	85,5	
680	TA254680	20810720060	Phạm Quỳnh	Mai	17/12/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
681	TA254681	20810310398	Phạm Đức	Mạnh	20/09/2002	12,0	17,0	25,00	22,0	76,0	
682	TA254682	21810860260	Đoàn Công	Minh	08/12/2003	15,0	17,0	14,50	16,0	62,5	
683	TA254683	21810170412	Lê Hải	Minh	12/04/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
684	TA254684	20810340178	Trần Quang	Minh	01/07/2002	15,0	10,0	11,00	3,0	39,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
685	TA254685	21810410706	Nguyễn Văn	Mùi	07/08/2003	14,0	0,0	0,00	8,0	22,0	
686	TA254686	21810820175	Nguyễn Thị	Mỹ	19/10/2003	13,0	17,0	23,00	19,0	72,0	
687	TA254687	20810540333	Đỗ Hoàng	Nam	30/03/2002	15,0	17,0	21,50	16,0	69,5	
688	TA254688	20810430169	Ngô Văn	Nam	19/03/2002	14,0	16,0	17,00	21,0	68,0	
689	TA254689	21810430568	Nguyễn Văn	Nam	19/06/2003	13,0	18,0	19,00	21,0	71,0	
690	TA254690	20810430238	Nguyễn Tài	Năng	16/03/2002	16,0	16,0	21,50	5,0	58,5	
691	TA254691	21810810173	Phạm Thị Phương	Nga	11/11/2003	18,0	19,0	12,00	14,0	63,0	
692	TA254692	21810810148	Nguyễn Thị	Ngân	15/10/2003	15,0	13,0	14,50	9,0	51,5	
693	TA254693	20810310379	Lê Minh	Nghĩa	04/08/2002	8,0	18,0	24,00	2,0	52,0	
694	TA254694	21810810016	Lê Thị Bích	Ngọc	29/06/2003	13,0	18,0	22,50	22,0	75,5	
695	TA254695	21810230005	Nguyễn Bá Khôi	Nguyên	16/03/2003	18,0	19,0	28,50	22,0	87,5	
696	TA254696	21810620434	Nguyễn Việt	Nhâm	29/03/2002	14,0	15,0	12,00	21,0	62,0	
697	TA254697	20810430325	Trần Thiên	Nhiên	12/10/2002	13,0	0,0	13,00	16,0	42,0	
698	TA254698	21810610485	Nguyễn Mai Kiều	Oanh	22/02/2003	15,0	18,0	13,00	14,0	60,0	
699	TA254699	20810000347	La Vũ	Phong	26/09/2002	13,0	18,0	13,50	17,0	61,5	
700	TA254700	20810310326	Nguyễn Tiên	Phong	25/11/2002	17,0	19,0	25,00	18,0	79,0	
701	TA254701	21810610057	Nguyễn Quý	Phú	17/03/2003	11,0	17,0	17,00	4,0	49,0	
702	TA254702	21810860235	Trần Hữu	Phước	24/08/2003	10,0	18,0	19,50	15,0	62,5	
703	TA254703	21810860427	Hoàng Mai	Phương	14/04/2003	8,0	12,0	25,00	18,0	63,0	
704	TA254704	21810820118	Ngô Thị Hà	Phương	13/12/2003	13,0	14,0	17,00	9,0	53,0	
705	TA254705	21810810342	Phạm Thị Minh	Phương	13/10/2003	13,0	0,0	0,00	14,0	27,0	
706	TA254706	2283010102	Lê Thị	Phượng	01/01/1976	14,0	19,0	20,50	16,0	69,5	
707	TA254707	21810110375	Hoàng Minh	Quang	22/02/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
708	TA254708	21810180302	Nguyễn Việt	Quang	28/05/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
709	TA254709	21810710310	Đinh Quốc	Quân	16/11/2003	16,0	20,0	23,00	16,0	75,0	
710	TA254710	21810110383	Phạm Minh	Quân	25/08/2003	14,0	0,0	0,00	2,0	16,0	
711	TA254711	21810310637	Trần Hồng	Quân	11/02/2003	14,0	18,0	22,50	15,0	69,5	
712	TA254712	21810820188	Phạm Văn	Quý	20/08/2003	17,0	15,0	15,50	7,0	54,5	
713	TA254713	21810110256	Phạm Thế	Quyền	13/07/2003	8,0	18,0	16,50	14,0	56,5	
714	TA254714	ThS đầu vào	Tăng Như	Quỳnh	20/9/1999	9,0	16,0	20,50	13,0	58,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
715	TA254715	20810110296	Nguyễn Tuấn	Sang	18/11/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
716	TA254716	20810510089	Chu Trần Tiến	Sơn	10/08/2002	11,0	0,0	16,50	5,0	32,5	
717	TA254717	21810710228	Nguyễn Ngọc	Sơn	07/09/2003	8,0	7,0	21,50	0,0	36,5	
718	TA254718	21810820131	Nguyễn Văn	Sơn	04/02/2003	11,0	14,0	14,50	0,0	39,5	
719	TA254719	21810710232	Phạm Thị	Tâm	01/01/2002	11,0	13,0	9,50	4,0	37,5	
720	TA254720	21810710069	Hoàng Thủy	Tiên	20/07/2003	8,0	14,0	16,50	1,0	39,5	
721	TA254721	21810680510	Ngô Xuân	Tiến	25/08/2003	12,0	16,0	25,50	8,0	61,5	
722	TA254722	19810000088	Phạm Minh	Tiến	14/08/2001	10,0	0,0	8,50	2,0	20,5	
723	TA254723	21810110019	Trần Quốc	Toàn	02/03/2003	13,0	16,0	25,00	10,0	64,0	
724	TA254724	21810860436	Lương Mạnh	Tú	27/10/2003	18,0	18,0	25,50	20,0	81,5	
725	TA254725	21810710209	Phan Ngọc	Tú	25/09/2003	11,0	13,0	19,50	6,0	49,5	
726	TA254726	20810110157	Bùi Anh	Tuấn	28/07/2002	16,0	10,0	12,00	13,0	51,0	
727	TA254727	21810410103	Nguyễn Anh	Tuấn	21/10/2003	8,0	15,0	17,00	12,0	52,0	
728	TA254728	23810510041	Nguyễn Mạnh	Tuấn	12/09/2005	16,0	16,0	8,50	9,0	49,5	
729	TA254729	21810310600	Phạm Công	Tuệ	20/07/2003	16,0	13,0	28,50	11,0	68,5	
730	TA254730	22810440419	Nguyễn Thanh	Tùng	14/08/2004	14,0	19,0	24,00	17,0	74,0	
731	TA254731	21810860371	Nguyễn Thị	Tuyến	18/02/2003	16,0	7,0	18,00	9,0	50,0	
732	TA254732	20810110174	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002	15,0	13,0	24,00	6,0	58,0	
733	TA254733	20810110235	Nguyễn Công	Thành	17/08/2001	17,0	7,0	22,50	14,0	60,5	
734	TA254734	21810820219	Nguyễn Phương	Thảo	24/11/2003	17,0	16,0	23,00	20,0	76,0	
735	TA254735	21810810185	Trần Thị Phương	Thảo	06/04/2003	17,0	0,0	0,00	3,0	20,0	
736	TA254736	20810310009	Nguyễn Văn	Thắng	14/7/2002	17,0	14,0	25,00	15,0	71,0	
737	TA254737	20810310438	Vũ Cường	Thịnh	21/02/2002	17,0	16,0	20,50	16,0	69,5	
738	TA254738	20810420101	Nông Đức	Thuận	03/11/2002	15,0	13,0	16,50	17,0	61,5	
739	TA254739	21810710163	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	27/03/2003	17,0	8,0	18,00	21,0	64,0	
740	TA254740	21810840198	Phạm Như	Trai	22/11/2003	17,0	10,0	23,00	20,0	70,0	
741	TA254741	21810710205	Nguyễn Quỳnh	Trang	22/11/2003	18,0	16,0	12,00	10,0	56,0	
742	TA254742	21810810076	Nguyễn Thu	Trang	22/10/2003	16,0	7,0	25,00	8,0	56,0	
743	TA254743	21810810086	Trịnh Thu	Trang	20/11/2003	13,0	10,0	17,00	9,0	49,0	
744	TA254744	21819120136	Hà Gia	Trọng	17/03/2003	14,0	9,0	20,50	6,0	49,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
745	TA254745	20810630040	Nguyễn Thế	Trung	19/11/2002	13,0	10,0	17,00	8,0	48,0	
746	TA254746	20810340237	Nguyễn Thanh	Trưởng	13/12/2002	13,0	10,0	19,00	8,0	50,0	
747	TA254747	21810860234	Nguyễn Cẩm	Vân	30/04/2003	16,0	15,0	23,00	22,0	76,0	
748	TA254748	20810610245	Đặng Quốc	Việt	20/10/2002	14,0	7,0	21,50	14,0	56,5	
749	TA254749	19810420319	Nguyễn Danh	Vương	19/08/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
750	TA254750	21810720436	Dương Thị Hải	Yến	28/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
751	TA254751	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	11,0	9,0	19,50	6,0	45,5	
752	TA254752	21810710105	Chu Hoàng	Anh	15/03/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
753	TA254753	21810820174	Đỗ Ngọc	Anh	29/11/2003	15,0	19,0	24,00	23,0	81,0	
754	TA254754	20810310262	Nguyễn Đức	Anh	18/10/2002	18,0	20,0	27,50	22,0	87,5	
755	TA254755	23810540128	Nguyễn Khắc Đức	Anh	15/11/2005	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
756	TA254756	2382109001	Nguyễn Tuấn	Anh	30/01/1997	10,0	18,0	15,50	9,0	52,5	
757	TA254757	20810430288	Nguyễn Việt	Anh	08/09/2002	18,0	8,0	14,50	12,0	52,5	
758	TA254758	21810710076	Phạm Văn	Anh	15/02/2003	18,0	11,0	21,50	19,0	69,5	
759	TA254759	21810410106	Trương Tuấn	Anh	03/09/2003	16,0	10,0	23,00	20,0	69,0	
760	TA254760	21810710450	Đỗ Thị	Ánh	20/02/2003	17,0	14,0	15,50	16,0	62,5	
761	TA254761	20810000382	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/09/2002	17,0	16,0	18,00	13,0	64,0	
762	TA254762	2272010137	Đào Đức	Bình	06/10/1995	17,0	18,0	25,50	17,0	77,5	
763	TA254763	21819120128	Bùi Thành	Công	12/12/2003	16,0	10,0	28,50	21,0	75,5	
764	TA254764	21810110236	Đặng Văn	Cường	08/10/2003	17,0	16,0	25,00	21,0	79,0	
765	TA254765	21810860455	Nguyễn Sỹ	Cường	28/03/2003	16,0	0,0	0,00	19,0	35,0	
766	TA254766	21810410391	Nguyễn Xuân	Cường	11/02/2003	3,0	3,0	18,00	2,0	26,0	
767	TA254767	ThS đầu vào	Vũ Minh	Châu	10/12/2001	14,0	20,0	21,50	22,0	77,5	
768	TA254768	21810410130	Đặng Hữu	Chiến	09/07/2003	9,0	4,0	19,00	3,0	35,0	
769	TA254769	20810230125	Nguyễn Thị	Chuyên	16/08/2002	11,0	15,0	14,50	15,0	55,5	
770	TA254770	20810340175	Đoàn Thị Bích	Diệp	27/03/2002	8,0	0,0	0,00	0,0	8,0	
771	TA254771	21810710110	Lê Quang	Dũng	16/08/2003	9,0	0,0	0,00	16,0	25,0	
772	TA254772	2272010140	Nguyễn Mạnh	Dũng	25/05/2001	20,0	8,0	16,50	16,0	60,5	
773	TA254773	21810710063	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/2003	10,0	0,0	20,50	14,0	44,5	
774	TA254774	20810410016	Phạm Quang	Dũng	12/3/2002	17,0	13,0	28,50	17,0	75,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
775	TA254775	20810430307	Phùng Gia	Duy	27/12/2002	13,0	17,0	21,50	16,0	67,5	
776	TA254776	21810720190	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/09/2003	11,0	15,0	23,00	14,0	63,0	
777	TA254777	21810110054	Đinh Trọng	Đại	20/01/2003	11,0	0,0	0,00	12,0	23,0	
778	TA254778	20810160487	Nhữ Đình	Đại	28/04/2001	12,0	10,0	19,00	16,0	57,0	
779	TA254779	19810310586	Đặng Tuấn	Đạt	09/04/2001	8,0	0,0	0,00	13,0	21,0	
780	TA254780	21810110018	Nguyễn Thành	Đạt	16/07/2003	10,0	18,0	18,00	22,0	68,0	
781	TA254781	20810310458	Mai Văn	Đoàn	16/03/2002	10,0	9,0	22,50	9,0	50,5	
782	TA254782	20810110275	Lưu Văn	Đô	18/08/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
783	TA254783	21810820182	Đàm Văn	Đức	20/01/2003	12,0	15,0	17,00	7,0	51,0	
784	TA254784	19810320359	Lê Huy	Đức	03/02/2001	16,0	20,0	25,50	20,0	81,5	
785	TA254785	21810620001	Nguyễn Minh	Đức	10/05/2003	8,0	8,0	12,00	5,0	33,0	
786	TA254786	21810810036	Nguyễn Trường	Giang	29/03/2003	8,0	12,0	11,00	5,0	36,0	
787	TA254787	20810310562	Trần Thu	Hà	25/09/2002	17,0	20,0	25,00	18,0	80,0	
788	TA254788	21810170473	Nguyễn Hoàng	Hải	24/10/2003	15,0	18,0	18,00	18,0	69,0	
789	TA254789	21810840314	Nguyễn Thị	Hạnh	16/11/2003	11,0	17,0	21,50	16,0	65,5	
790	TA254790	21810810276	Lê Phương	Hàng	03/11/2003	11,0	18,0	19,50	22,0	70,5	
791	TA254791	21810810208	Nguyễn Thu	Hàng	02/09/2003	10,0	18,0	29,00	21,0	78,0	
792	TA254792	21810110352	Bùi Tiến	Hiệp	25/07/2003	9,0	18,0	19,50	15,0	61,5	
793	TA254793	21810410028	Trần Tuấn	Hiệp	30/11/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
794	TA254794	20819110084	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002	13,0	16,0	21,50	14,0	64,5	
795	TA254795	21810710263	Nguyễn Đình	Hiếu	08/12/2003	7,0	17,0	25,50	15,0	64,5	
796	TA254796	20810160509	Trần Trung	Hiếu	11/03/2002	12,0	17,0	19,00	12,0	60,0	
797	TA254797	21810710438	Hoàng Nhật	Hoa	07/08/2003	7,0	19,0	14,50	13,0	53,5	
798	TA254798	21810830264	Nguyễn Thị	Hoa	17/11/2003	8,0	14,0	19,50	5,0	46,5	
799	TA254799	21810410648	Nguyễn Văn	Hoàn	29/10/2003	12,0	14,0	8,50	5,0	39,5	
800	TA254800	21810110200	Nguyễn Phúc	Hoàng	22/06/2003	13,0	17,0	19,50	15,0	64,5	
801	TA254801	21810170313	Trần Bá	Hoàng	03/03/2003	13,0	17,0	16,50	11,0	57,5	
802	TA254802	21819120149	Bùi Mạnh	Hùng	19/05/2003	14,0	0,0	0,00	4,0	18,0	
803	TA254803	21810610403	Đoàn Văn	Hùng	04/05/2003	12,0	17,0	28,50	3,0	60,5	
804	TA254804	21810620044	Nguyễn Hữu	Hùng	03/09/2003	8,0	15,0	22,50	14,0	59,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
805	TA254805	20810540335	Lê	Huy	18/10/2002	8,0	16,0	17,00	4,0	45,0	
806	TA254806	21810860449	Nguyễn Minh	Huy	23/12/2003	13,0	16,0	26,50	21,0	76,5	
807	TA254807	21810860441	Hoàng Thị Thu	Huyền	31/07/2003	12,0	14,0	25,50	12,0	63,5	
808	TA254808	21810820279	Nguyễn Khánh	Huyền	06/12/2003	12,0	14,0	25,50	2,0	53,5	
809	TA254809	21810620458	Lê Văn	Hưng	11/09/2003	11,0	11,0	25,50	4,0	51,5	
810	TA254810	21810620416	Nguyễn Ngọc	Hưng	02/05/2003	14,0	9,0	27,50	4,0	54,5	
811	TA254811	21810810306	Bùi Thị Mai	Hương	11/09/2003	18,0	18,0	15,50	15,0	66,5	
812	TA254812	21810620380	Lương Văn	Kiên	14/10/2003	16,0	16,0	14,50	12,0	58,5	
813	TA254813	21810710016	Khuất Phú Quốc	Khánh	04/10/2003	8,0	14,0	21,50	17,0	60,5	
814	TA254814	21810610016	Nguyễn Quốc	Khánh	31/08/2003	13,0	17,0	26,50	19,0	75,5	
815	TA254815	21810540428	Nguyễn Lê	Khoa	27/11/2003	18,0	17,0	18,00	16,0	69,0	
816	TA254816	21810180381	Ngô Đức	Khương	04/05/1999	17,0	14,0	29,00	11,0	71,0	
817	TA254817	20819110109	Lê Đình	Lập	27/01/2002	10,0	18,0	26,50	17,0	71,5	
818	TA254818	21810860408	Dương Khánh	Linh	30/04/2003	18,0	20,0	22,50	22,0	82,5	
819	TA254819	21810810314	Đỗ Phương	Linh	19/08/2003	12,0	11,0	19,50	16,0	58,5	
820	TA254820	21810610420	Hà Ngọc	Linh	19/03/2003	12,0	16,0	20,50	8,0	56,5	
821	TA254821	21810110455	Nguyễn Phương	Linh	27/07/2003	10,0	8,0	24,00	11,0	53,0	
822	TA254822	21810110003	Nguyễn Trúc	Linh	12/11/2003	17,0	14,0	25,00	12,0	68,0	
823	TA254823	21810310443	Vũ Khánh	Linh	07/02/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
824	TA254824	20810110302	Nguyễn Văn	Long	20/08/2002	9,0	11,0	13,00	8,0	41,0	
825	TA254825	21810110096	Nguyễn Xuân	Lộc	16/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
826	TA254826	21810810155	Hà Yến	Ly	07/08/2003	13,0	0,0	9,50	15,0	37,5	
827	TA254827	21810810187	Trần Khánh	Ly	11/12/2003	11,0	13,0	17,00	11,0	52,0	
828	TA254828	20810720061	Nguyễn Thị Chi	Mai	25/01/2002	10,0	0,0	10,50	8,0	28,5	Vi phạm quy chế
829	TA254829	21810110085	Nguyễn Đức	Mạnh	31/01/2003	12,0	17,0	20,50	11,0	60,5	
830	TA254830	21810410490	Vũ Hữu	Mạnh	24/07/2003	12,0	9,0	23,00	8,0	52,0	
831	TA254831	20810410024	Đỗ Anh	Minh	05/06/2002	10,0	18,0	13,00	11,0	52,0	
832	TA254832	20810430173	Nguyễn Danh Quang	Minh	27/02/2002	13,0	8,0	16,50	12,0	49,5	
833	TA254833	21810680497	Triệu Đức	Minh	15/05/2003	16,0	17,0	19,00	11,0	63,0	
834	TA254834	21810840218	Hoàng Hà	My	11/08/2003	15,0	16,0	13,00	12,0	56,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
835	TA254835	21810810112	Lê	Na	01/03/2003	11,0	8,0	16,50	11,0	46,5	
836	TA254836	20810110159	Lê Phương	Nam	05/03/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
837	TA254837	21810430671	Nguyễn Công	Nam	11/09/2003	17,0	15,0	22,50	12,0	66,5	
838	TA254838	2272010147	Phạm Đức	Nam	07/11/2001	19,0	0,0	9,50	14,0	42,5	
839	TA254839	20810110153	Vì Hải	Ninh	27/03/2002	20,0	18,0	19,00	17,0	74,0	
840	TA254840	21810820282	Trần Thúy	Nga	14/10/2003	16,0	20,0	22,50	18,0	76,5	
841	TA254841	21810860411	Nguyễn Mai	Ngân	20/08/2003	11,0	12,0	19,50	19,0	61,5	
842	TA254842	20810430133	Lê Minh	Nghĩa	21/11/2002	6,0	16,0	22,50	12,0	56,5	
843	TA254843	20810230051	Lê Thị Bích	Ngọc	09/07/2002	10,0	19,0	13,50	17,0	59,5	
844	TA254844	21810310555	Phạm Đình	Nguyên	11/02/2003	5,0	18,0	15,50	15,0	53,5	
845	TA254845	21810410662	Trương Văn	Nhâm	05/05/2002	8,0	8,0	21,50	15,0	52,5	
846	TA254846	21810820333	Bùi Thị	Nhung	01/12/2002	12,0	13,0	18,00	14,0	57,0	
847	TA254847	21810860389	Trần Thị	Oanh	20/02/2003	10,0	15,0	17,00	14,0	56,0	
848	TA254848	21810430456	Lê Quang	Phong	15/08/2003	7,0	14,0	13,50	10,0	44,5	
849	TA254849	20810310355	Trần Quang	Phong	18/10/2002	3,0	0,0	0,00	0,0	3,0	
850	TA254850	21810110215	Nguyễn Vĩnh	Phú	04/11/2003	8,0	13,0	13,00	9,0	43,0	
851	TA254851	20810430419	Chu Văn	Phương	14/02/2002	8,0	0,0	0,00	2,0	10,0	
852	TA254852	21810810192	Lê Thị	Phương	30/10/2003	13,0	16,0	28,50	10,0	67,5	
853	TA254853	21810810059	Nguyễn Ngọc	Phương	04/05/2003	16,0	18,0	13,50	19,0	66,5	
854	TA254854	21810710312	Phùng Thị Hà	Phương	07/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
855	TA254855	20810310424	Chu Văn	Quang	01/12/2002	10,0	8,0	24,00	14,0	56,0	
856	TA254856	21810710162	Lê Minh	Quang	17/02/2003	19,0	17,0	21,50	16,0	73,5	
857	TA254857	21810860220	Trần Vinh	Quang	29/05/2003	18,0	12,0	14,50	13,0	57,5	
858	TA254858	23810680002	Lưu Doãn Hải	Quân	07/05/2005	19,0	8,0	26,50	19,0	72,5	
859	TA254859	20810110271	Phạm Văn	Quân	28/08/2002	18,0	4,0	16,50	8,0	46,5	
860	TA254860	22810430118	Trương Minh	Quân	21/01/2004	19,0	18,0	13,00	11,0	61,0	
861	TA254861	21810860424	Trịnh Thị	Quý	14/10/2003	20,0	10,0	20,50	18,0	68,5	
862	TA254862	20810310384	Đỗ Kiên	Quyết	11/09/2002	21,0	10,0	20,50	19,0	70,5	
863	TA254863	21810820210	Trần Như	Quỳnh	17/07/2003	15,0	15,0	22,50	13,0	65,5	
864	TA254864	21810410072	Nguyễn Xuân	Sang	02/04/2003	20,0	16,0	18,00	15,0	69,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
865	TA254865	19810420314	Đỗ Hồng	Sơn	16/06/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
866	TA254866	20810430229	Nguyễn Tiến	Sơn	26/12/2002	21,0	8,0	19,50	20,0	68,5	
867	TA254867	21810620585	Nguyễn Văn	Sơn	02/09/2003	20,0	8,0	25,50	15,0	68,5	
868	TA254868	21810820160	Đào Phúc	Tân	08/08/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
869	TA254869	21810810037	Phan Thị Thuỷ	Tiên	18/11/2003	21,0	18,0	25,50	18,0	82,5	
870	TA254870	20810410055	Nguyễn Đức	Tiến	03/5/2002	21,0	8,0	18,00	19,0	66,0	
871	TA254871	20810430381	Phạm Tuấn	Tiếp	02/03/2002	16,0	12,0	19,00	16,0	63,0	
872	TA254872	21810860394	Trần Văn	Toàn	23/11/2003	18,0	19,0	22,50	24,0	83,5	
873	TA254873	20810430400	Nguyễn Anh	Tú	02/08/2002	20,0	9,0	19,00	19,0	67,0	
874	TA254874	20810620123	Phùng Quang	Tú	28/05/2002	19,0	10,0	19,00	19,0	67,0	
875	TA254875	21810820186	Đỗ Văn	Tuấn	28/01/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
876	TA254876	21810620082	Nguyễn Hoàng	Tuấn	10/09/2003	20,0	12,0	25,50	19,0	76,5	
877	TA254877	21819110024	Nguyễn Văn	Tuấn	19/10/2002	14,0	10,0	18,00	21,0	63,0	
878	TA254878	21810230371	Lê Anh	Tùng	02/10/2003	14,0	14,0	19,50	20,0	67,5	
879	TA254879	21810860407	Phạm Lâm	Tùng	06/07/2003	16,0	19,0	18,00	21,0	74,0	
880	TA254880	21810310462	Bùi Duy	Thái	14/07/2003	16,0	15,0	21,50	20,0	72,5	
881	TA254881	21810430595	Ngô Đức	Thái	11/07/2003	17,0	12,0	19,50	20,0	68,5	
882	TA254882	21810410108	Nguyễn Công	Thành	15/04/2003	14,0	10,0	10,50	18,0	52,5	
883	TA254883	19810840002	Nguyễn Phương	Thảo	16/01/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
884	TA254884	21810430572	Hoàng Đức	Thắng	09/09/2003	14,0	10,0	15,50	22,0	61,5	
885	TA254885	19810310255	Phan Đức	Thắng	22/10/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
886	TA254886	20810310481	Vũ Đức	Thịnh	28/12/2002	15,0	17,0	13,50	20,0	65,5	
887	TA254887	21810820185	Nguyễn Văn	Thuật	09/07/2003	8,0	11,0	7,50	10,0	36,5	
888	TA254888	21810810160	Cát Thị Ngọc	Thư	03/03/2003	13,0	12,0	16,50	11,0	52,5	
889	TA254889	21810230036	Dương Thùy	Trang	02/08/2003	14,0	12,0	15,50	17,0	58,5	
890	TA254890	21810810084	Nguyễn Tổng Huyền	Trang	04/09/2003	12,0	11,0	13,50	17,0	53,5	
891	TA254891	21810810008	Nguyễn Thùy	Trang	21/11/2003	21,0	17,0	21,50	15,0	74,5	
892	TA254892	21810860387	Trần Việt	Trí	27/02/2003	17,0	18,0	11,00	15,0	61,0	
893	TA254893	20810110248	Nguyễn Quốc	Trọng	26/12/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
894	TA254894	21819120123	Trần Như	Trung	02/05/2003	15,0	8,0	18,00	7,0	48,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
895	TA254895	21810710353	Nguyễn Tô	Uyên	04/08/2003	15,0	12,0	10,50	11,0	48,5	
896	TA254896	20810000403	Trần Thị	Vân	15/05/2002	22,0	9,0	18,00	22,0	71,0	
897	TA254897	21810410164	Đặng Xuân	Vinh	02/02/2003	15,0	10,0	16,50	17,0	58,5	
898	TA254898	20810310279	Nguyễn Ngọc	Vương	28/12/2002	18,0	17,0	27,50	20,0	82,5	
899	TA254899	21810710236	Phan Hải	Yến	18/11/2003	19,0	12,0	24,00	22,0	77,0	
900	TA254900	19810430198	Phùng Quang	Hưng	19/1/2001	20,0	16,0	21,50	24,0	81,5	
901	TA254901	Đầu vào Ths	Phạm Ngọc	Pha	8/7/1993	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	